TUYỂN TẬP 60 ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - môn Toán lớp 5 là tài liệu hữu ích dành cho các thầy cô giáo tham khảo ra đề thi giữa kỳ I và ôn luyện toán cho học sinh lớp 5, đồng thời các bậc phụ huynh cho con em ôn tập và rèn luyện kiến thức môn Toán lớp 5. Mời các bạn tham khảo.

ĐỀ 1

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán – Lớp 5

(*Thời gian làm bài : 40 phút*)

Phần I: Phần trắc nghiệm:

Bài 1: Em hãy khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

1) Số thích hợp viết vào chỗ chấm (…) để : 3kg 3g = … kg là :

A. 3,3 B. 3,03 C. 3,003 D. 3,0003

2) Phân số thập phân $\frac{834}{10}$ được viết dưới dạng số thập phân là :

A. 0,0834 B. 0,834 C. 8,34 D. 83,4

3) Trong các số thập phân 42,538 ; 41,835 ; 42,358 ; 41,538 số thập phân lớn nhất là:

A. 42,538 B. 41,835 C. 42,358 D. 41,538

4) Mua 12 quyển vở hết 24000 đồng. Vậy mua 30 quyển vở như thế hết số tiền là :

A. 600000 đ B. 60000 đ C. 6000 đ D. 600 đ

Bài 2: (1,5 điểm) Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống.

1) $\frac{5}{9} > \frac{7}{9}$ ☐

2) $\frac{2}{5} < \frac{4}{10}$ ☐

3) 0,9 < 0,1 < 1,2 ☐

4) 96,4 > 96,38 ☐

5) $5m^2\ 25dm^2 = 525\ dm^2$ ☐

6) 1kg 1g = 1001g ☐

Phần II. Phần tự luận:

Bài 1 :

1) Đặt tính rồi tính.

$\begin{array}{r} 5 \\ 6 \end{array}$ $\begin{array}{r} 7 \\ 8 \end{array}$ $\begin{array}{r} 5 \\ 8 \end{array}$ $\begin{array}{r} 2 \\ 5 \end{array}$

a) — + — b) — - —

c) $\frac{9}{10} \times \frac{5}{6}$ d) $\frac{6}{5} : \frac{3}{7}$

2) Viết số thích hợp vào ô trống.

$\frac{7}{2} = \frac{7 \times \square}{2 \times \square}$ $\frac{14}{\square 10}$

Bài 2: Tìm x ?

a) $x + \frac{1}{4} = \frac{5}{8}$ b) $\frac{3}{5} - x = \frac{3}{8}$

Bài 3:

Để lát nền một căn phòng hình chữ nhật, người ta dùng loại gạch men hình vuông có cạnh 30cm. Hỏi cần bao nhiêu viên gạch để lát kín nền căn phòng đó, biết rằng căn phòng có chiều rộng 6m, chiều dài 9m? (Diện tích phần mạch vữa không đáng kể).

ĐỀ 2

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(***Thời gian làm bài : 40 phút***)

Phần I:

Hãy khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Số ***"Bốn mươi bảy phẩy bốn mươi tám"*** viết như sau:

A. 47,480 **C.** 47,48

47,0480 **D.** 47,048

Câu 2: Biết 12,□4 < 12,14

Chữ số điền vào ô trống là:

A. 0 **B.** 1 **C.** 2 **D.** 3

Câu 3: Chữ số 9 trong số thập phân 17,209 thuộc hàng số nào?

A. Hàng nghìn **C.** Hàng phần trăm

B. Hàng phần mười **D.** Hàng phần nghìn

Câu 4: Viết $\frac{1}{10}$ dưới dạng số thập phân được

A. 10,0 **B.** 1,0 **C.** 0,01 **D.** 0,1

Phần II:

Câu 1: Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

16m 75mm = ……..m 28ha = ……..km^2

Câu 2: Tính:

a) $\frac{1}{3} + \frac{1}{4}$ = ... **b)** $\frac{3}{5} - \frac{2}{7}$ = ...

Câu 3: Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 80m và gấp đôi chiều rộng. Biết rằng cứ 100m^2 thu hoạch được 50kg thóc. Hỏi trên cả thửa ruộng đó người ta thu hoạch được bao nhiêu kg thóc?

……

……

……

.....
.....

ĐỀ 3

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán– Lớp 5

(***Thời gian làm bài : 40 phút***)

Bài 1:

Khoanh tròn vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

a) Chữ số 8 trong số 30,584 có giá trị là:

A. 80 B. $\frac{8}{10}$ C. $\frac{8}{100}$

b) Số thập phân 2,35 viết dưới dạng hỗn số là:

A. $\frac{235}{100}$ B. $2\frac{35}{100}$ C. $23\frac{5}{10}$

c) Số lớn nhất trong các số: 4,693; 4,963; 4,639 là số:

A. 4,963 B. 4,693 C. 4,639

d) Số 0,08 đọc là:

Không phẩy tám.

Không, không tám.

Không phẩy không tám .

Bài 2: Viết các hỗn số sau dưới dạng số thập phân :

$4\frac{7}{10}$ = ...

$21\frac{8}{100}$ = ...

Bài 3 : Điền dấu < , > , = vào ô trống :

17,5 ☐ 17,500 $\frac{145}{10}$ ☐ 14,5

Bài 4 : Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a) 5 m^2 = ...cm^2 b) 2 km^2 = ...ha

c) 2608 m^2 = ……dam²……m^2 d) 30000hm^2 = …… ha

Bài 5: Tính kết quả :

a/ $\frac{6}{7} + \frac{5}{8}$ b/ $10\frac{7}{10} - 4\frac{3}{10}$

Bài 6: 8 người đắp xong một đoạn đường trong 6 ngày . Hỏi muốn đắp xong đoạn đường đó trong 4 ngày thì phải cần bao nhiêu người ?

ĐỀ 4

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(***Thời gian làm bài : 40 phút***)

I- Trắc nghiệm:

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

1. Số thập phân gồm có:năm trăm; hai đơn vị; sáu phần mười; tám phần trăm viết là:

A. 502,608 B. 52,608 C. 52,68 D. 502,68

2. Chữ số 6 trong số thập phân 82,561 có giá trị là:

A. $\frac{6}{10}$ B. $\frac{6}{100}$ C. $\frac{6}{1000}$ D. 6

3. $5\frac{6}{100}$ *viết dưới dạng số thập phân là:*

A. 5,06 B. 5,600 C. 5,6 D. 5,60

4. Số lớn nhất trong các số: 6,235; 5,325; 6,325; 4,235 là:

` A.6,235 B.5,325 C.6,325 D.4,235

5. Số thập phân 25,18 bằng số thập phân nào sau đây:

A. 25,018 B.25,180 C.25,108 D.250,18

6. 0,05 viết dưới dạng phân số thập phân là:

A. $\frac{5}{100}$ B. $\frac{5}{10}$ C. $\frac{5}{1000}$ D.5

II. Tự luận:

1. Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

a. 8m 5dm = ……m b. 2km 65m=……..km

c. 5 tấn 562 kg = ……tấn d. 12m^2 5dm^2 =……. m^2

2. *Bài toán*

Mua 9 quyển vở hết 36000 đồng. Hỏi mua 27 quyển vở như thế thì hết bao nhiêu tiền?

ĐỀ 5

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán– Lớp 5

(***Thời gian làm bài : 40 phút***)

Bài 1. Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Em hay khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất cho mỗi câu hỏi sau đây:

1) Số gồm sáu trăm, bốn chục, hai đơn vị và tám phần mười viết là:

A. 6,428 B. 64,28 C. 642,8 D. 0,6428

2) Số gồm năm nghìn, sáu trăm và hai phần mười viết là:

A. 5600,2 B. 5060,2 C. 5006,2 D. 56000,2

3) Chữ số 7 trong số thập phân 12,576 thuộc hàng nào ?

A. Hàng đơn vị B. Hàng phần mười

C. Hàng phần trăm D. Hàng phần nghìn

4) Số thập phân 9,005 viết dưới dạng hỗn số là:

A. $9\frac{5}{100}$ B. $9\frac{5}{1000}$ C. $\frac{905}{1000}$ D. $\frac{9050}{1000}$

5) Hai số tự nhiên liên tiếp thích hợp viết vào chỗ chấm (… < 5,7 < …) là:

A. 3 và 4 B. 4 và 5 C. 5 và 6 D. 6 và 8

Bài 2. So sánh hai số thập phân:

a) 3,71 và 3,685 b) 95,2 và 95,12

Bài 3. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 7m^2 = ……..dm^2 b) 6dm^2 4cm^2 = ……..cm^2

c) 23dm^2 =…..m^2 d) 5,34km^2 = …….ha

Bài 4. Tính:

a) $\frac{1}{2} + \frac{3}{4} =$ b) $\frac{3}{5} - \frac{3}{8} =$

c) $\frac{3}{10} \times \frac{4}{9} =$

c) $\frac{5}{8} : \frac{3}{2} =$

Bài 5. Mua 15 quyển sách Toán hết 135000 đồng. Hỏi mua 45 quyển sách Toán hết bao nhiêu tiền ?

ĐỀ 6

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán– Lớp 5

(Thời gian làm bài : 40 phút)

Phần 1: Khoanh vào kết quả đúng.

Bài1: Cho số thập phân 34,567 . Giá trị của chữ số 5 là:

a, 50 b, $\frac{5}{10}\frac{5}{10}$ c, $\frac{5}{100}\frac{5}{100}$ d, $\frac{5}{1000}\frac{5}{1000}$

Bài2: Chuyển phân số thập phân $\frac{615}{100}\frac{615}{100}$ thành số thập phân là:

a, 61,5 b, 6,15 c, 0,615 d, 615

Bài3 $3m^2 5dm^2$ = ……..m^2

a, 3,5 b, 3,05 c, 30,5 d, 305

Bài4: Số thập phân nào không giống với những số thập phân còn lại?

a, 3,4 b, 3,04 c, 3,400 d, 3,40

Phần 2: Tự luận

Bài1: Chuyển các phân số thập phân sau thành số thập phân rồi đọc các số thập phân đó.

$\frac{135}{10}\frac{135}{10}$ = ……

$\frac{2009}{1000}\frac{2009}{1000}$ =……

Bài 2: So sánh các số thập phân sau:

a, 7,899 và 7,9 b, 90,6 và 89,7

…… ……

Bài 3: Xếp các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn

7,8 ; 6,79 ; 8,7 ; 6,97 ; 9,7

……

Bài 4: Điền số thập phân thích hợp vào chỗ chấm

a, 42dm4cm = ……dm

b, $2cm^2 5mm^2$= ……cm^2

c, 6,5ha = ……m^2

d, 300g = ……..kg

Bài 5: Mua 15 bộ đồ dùng học toán hết 450 000 đồng . Hỏi mua 30 bộ đồ dùng học toán như thế hết bao nhiêu tiền?

.....
.....
.....

ĐỀ 7

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(***Thời gian làm bài : 40 phút***)

Phần I: Trắc nghiệm:

Em hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

1. Hỗn số $4\frac{3}{5}$ được viết thành phân số:

A. $\frac{9}{5}$ C. $\frac{27}{5}$

B. $\frac{12}{5}$ D. $\frac{23}{5}$

2. Viết số thập phân gồm có: Sáu mươi hai đơn vị, sáu phần mười, bảy phần trăm và tám phần nghìn là:

A. 6,768 C. 62,678

B. 62,768 D. 62,867

3. Chữ số 6 trong số thập phân 8,962 có giá trị là:

A. $\frac{6}{10}$ C. $\frac{6}{1000}$

B. $\frac{6}{100}$ D. $\frac{6}{10000}$

4. Phân số thập phân $\frac{9}{100}$ viết dưới dạng số thập phân là:

A. 0,9 C. 0,009

B. 0,09 D. 9,00

5. Hỗn số 58 được viết dưới dạng số thập phân là:

A. 58,27 C. 58,0027

B. 58,270 D. 58,027

Phần II: Tự luận:

1. Điền dấu (>; <; =) thích hợp vào ô trống:

a. 83,2 ☐ 83,19 c. 7,843 ☐ 7,85

b. 48,5 ☐ 48,500 d. 90,7 ☐ 89,7

2. Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều rộng 60m, chiều dài bằng chiều rộng.

a.Tính diện tích thửa ruộng đó.

b.Biết rằng, trung bình cứ 100m^2 thu hoạch được 30kg thóc. Hỏi trên cả thửa ruộng đó, người ta thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc?

ĐỀ 8

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(Thời gian làm bài : 40 phút)

Phần I: **Trắc nghiệm**

Em hãy khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.

Câu 1: (0.5 điểm) $5\frac{7}{100}$ viết dưới dạng số thập phân là:

A. 5,7 **B. 5,007** **C. 5,07** **D. 5,0007**

Câu 2: (0.5 điểm) Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm 5km 302m= ……..km:

A. 5, 302 **B.** 53,02 **C.** 5,0302 **D.** 530,2

Câu 3: (0.5 điểm) Số lớn nhất trong các số 5,798; 5,897; 5,789; 5,879 là:

A. 5,798 **B.** 5,897 **C.** 5,789 **D.** 5,879

Câu 4: (0.5 điểm) Viết số thích hợp vào chỗ chấm: $7m^2\ 2\ dm^2$ = ……dm^2

A. 72 **B.** 720 **C.** 702 **D.** 7002

Câu 5: (1 điểm) Mỗi xe đổ 2 lít xăng thì vừa đủ số xăng cho 12 xe. Vậy mỗi xe đổ 3 lít thì số xăng đó đủ cho bao nhiêu xe?

A. 18 xe **B.** 8 xe **C.** 6 xe **D.** 10 xe

Câu 7: Một khu vườn hình chữ nhật có kích thước được ghi ở trên hình vẽ bên. Diện tích của khu vườn là:

A. 18 km^2 **B.** 18 ha

C. 18 dam^2 **D.** 180 m^2

Phần II: **Tự Luận**

Câu 1: Tìm x

a. $1\frac{5}{7}$ x $x = 2\frac{3}{6}$

b. $\frac{29}{7} - x = \frac{3}{2}$

Câu 2: Viết số thích hợp vào chỗ chấm: (1 điểm)

a. 6m 25 cm = ...m

b. 25ha =.....km^2

Câu 3: Một mảnh đất hình chữ nhật có nửa chu vi là 64m, chiều dài bằng $\frac{5}{3}$ chiều rộng. Người ta đã sử dụng $\frac{1}{12}$ diện tích mảnh đất để làm nhà.

a. Tính chiều dài chiều rộng?

b. Tính diện tích phần đất làm nhà?

ĐỀ 9

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(Thời gian làm bài : 40 phút)

Bài 1:

a. (1đ)Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

-Bảy đơn vị, tám phần mười:……

- Bốn trăm, năm chục, bảy phần mười, ba phần trăm:……

b. (1đ) Sắp xếp các số thập phân sau: 6,35; 5,45; 6,53; 5,1; 6,04.

- Theo thứ tự từ bé đến lớn:……

- Theo thứ tự từ lớn đến bé:

……

Bài 2: Điền dấu (> ; < ; =) thích hợp vào ô trống:

a. 124 tạ ☐ 12,5 tấn

b. 0,5 tấn ☐ 500 kg

c. 452g ☐ 4,5 kg

d. 260 ha ☐ 26 km^2

Bài 3 Tính:

a. $\frac{5}{7} + \frac{4}{9} =$

b. $\frac{4}{5} - \frac{2}{3} =$

Bài 4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a 4,35m^2 = …….dm^2

b. 8 tấn 35kg = ……tấn

c. $\frac{1}{4}$ ha =……..m^2

d. 5 kg 50g = ……..kg

Bài 5 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

a. $\frac{7}{25}$ viết thành phân số thập phân là:

A. $\frac{7}{100}$ **B.** $\frac{28}{100}$ **C.** $\frac{14}{100}$ **D.** $\frac{38}{100}$

b. Viết $\frac{7}{10}$ dưới dạng số thập phân được:

A. 7,0 B. 0,07 C. 70,0 D. 0,7

Bài 6 Một mảnh vườn hình chữ nhật có nửa chu vi là 90m, biết chiều rộng bằng $\frac{4}{5}$ chiều dài. Tính diện tích của mảnh vườn đó?

ĐỀ 10

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(Thời gian làm bài : 40 phút)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước kết quả đúng.

Câu 1: Chữ số 3 trong số thập phân 465,732 thuộc hàng nào?

A. Hàng chục B. Hàng trăm C. Hàng phần mười D.Hàng phần trăm

Câu 2: Hỗn số $8\frac{25}{100}$ chuyển thành số thập phân được:

A. 8,25 B. 82,5 C. 8, 205 D. 8, 025

Câu 3 Số "Mười bảy phẩy năm mươi sáu" viết như sau:

A.107,56 B.17,056 C.17,506 D. 17,56

Câu 4: Viết số 6,8 thành số có 3 chữ số phần thập phân là:

A.6,80 B. 6,800 C. 6,8000 D. 6,080

Câu 5: Chọn câu trả lời sai: $42\frac{900}{1000} = ?$

A. 42,900 B. 42,90 C. 42,9 D. 4,29

Câu 6: Trong các số đo dưới đây, số đo nào gần 8kg nhất:

A.7kg99g B.7999g C.8020g D.8kg100g

Câu 7: Số nhỏ nhất trong các số: 7,95 ; 6,949 ; 6,95 ; 7,1 là :

A. 7,95 B. 6,949 C. 6,95 D. 7,1

Câu 8: 3m15mm =……m

Số điền vào chỗ chấm là:

3,15 B. 3,105 C.3,015 D. 3,0015

Câu 9: $2,7km^2$ = ……..ha

Số điền vào chỗ chấm là:

A.27 B. 270 C. 2700 D. 27000

Câu 10: $9hm^270dam^2$ = …….hm^2

Số điền vào chỗ chấm là:

A. 9,7 B. 9,07 C. 9,007 D. 97

Phần II : Tự luận

Câu 1: Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm

a. 3km35m = ...km b. 4tạ5kg = ...tạ

c. $42m^24dm^2$= .....dm^2 d. $25m^28dm^2$ = ...m^2

Câu 2: Mua 5 mét vải hết 90000 đồng . Hỏi với 144000 đồng thì mua được mấy mét vải như thế.?

Câu 3: Tìm số tự nhiên x, biết: 0,8 < x < 2, 03

ĐỀ 11

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(Thời gian làm bài : 40 phút)

I/ Phần trắc nghiệm

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Viết $\frac{1}{10}$ dưới dạng số thập phân được:

A. 1,0 B. 10,0 C. 0,1 D. 0,01

Câu 2: Số lớn nhất trong các số 8,09; 7,99; 8,89 ; 8,9 là :

A.8,09 B.7,99 C.8,89 D.8,9

Câu 3: 64,97 < x < 65,14 Số tự nhiên thích hợp để điền vào x là:

A.64 B.65 C.66 D. 67

Câu 4: Một khu đất hình chữ nhật có kích thước như hình vẽ dưới đây.Diện tích của khu đất đó là :

A. 1 ha C. 10 ha

B. 1 km^2 D. 0,01 km^2

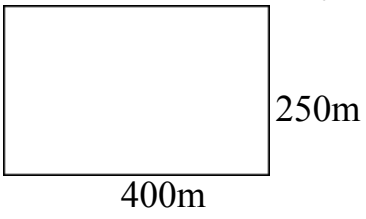

Câu 5: Hỗn số $2\frac{6}{10}$ bằng số thập phân nào trong các số sau:

A. 2,006 B. 2,06 C. 2,6 D. 0,26

II/ Phần thực hành:

Câu 1: Tính

$\frac{1}{2} + \frac{5}{10}$ $\quad 3 - \frac{1}{4}$ $\quad \frac{3}{5} x \frac{2}{7}$ $\quad 4 : \frac{4}{5}$

Câu 2: (*1 điểm*) Tìm X:

42 x **X** = 1890 **X** : 84 = 124

Câu 3: Người ta trồng mía trên một khu đất hình chữ nhật có chiều rộng 130m, chiều dài hơn chiều rộng 70m.

a. Tính diện tích khu đất đó.

b. Biết rằng trung bình cứ 100m^2 thu hoạch được 300kg mía. Hỏi trên cả khu đất đó người ta thu hoạch được bao nhiêu kg mía ?

ĐỀ 12

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(***Thời gian làm bài : 40 phút***)

PHẦN TRẮC NGHIỆM

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

Câu 1: Chữ số 7 trong số 38,072 là:

A. 7 B. 70 C. $\frac{7}{10}$ D. $\frac{7}{100}$

Câu 2: $5\frac{2}{100}$ tạ = ...tạ

Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

A. 5,2 B. 50,2 C. 5,02 D. 5,002

Câu 3: Số bé nhất trong các số : 5,224 ; 5,222 ; 5,234 ; 5,243

A. 5,224 B. 5,234 C. 5,222 D. 5,243

Câu 4: Chu vi hình vuông có diện tích $49m^2$ là:

A. 36m B. 28m C. 32m D. 45m

Câu 5: $7m^2 8dm^2$ =.....m^2

Số thích hợp để điền vào chỗ chấm là:

A. 78 B. 7,8 C. 7,08 D. 7,008

B. PHẦN TỰ LUẬN (5 điểm)

1) **Tính**: (2 điểm)

a) $\frac{1}{3} + \frac{1}{4}$ = ...
= .....

b) $\frac{3}{5} - \frac{2}{7}$ = ...
= .....

c) $\frac{5}{7} : \frac{2}{3}$ = ...
= .....

d) $\frac{3}{5} x \frac{2}{7}$ = ...
= .....

2) **Bài toán** (2 điểm)

Mua 18 bộ sách tham khảo khối 5 hết 2250000 đồng. Hỏi mua 72 bộ sách như thế hết bao nhiêu tiền

.....
.....
.....
.....

3) Tính nhanh (1 điểm)

$\frac{12x4x72}{36x2x9}$ =.....

ĐỀ 13

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(*Thời gian làm bài : 40 phút*)

I/ Phần trắc nghiệm: Học sinh khoanh tròn câu tả lời đúng.

Số mười hai phẩy không trăm ba mươi hai viết là :

a.103,32 b. 12,032 c. 12,32 d.12,302

2. **Viết $\frac{1}{10}$ dưới dạng số thập phân :**

a. 1,0 b. 0,1 c. 10,0 d. 0,01

3. **8 dm^2 9cm^2 = ...cm^2**

a. 8900 b. 807 c.890 d. 809

4.

>
<
=

Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm .

86,3.....86,30

a. > b. < c. =

5. **Tìm chữ số x, biết :**

9,7x9 < 9,729

a. 2 b.1 c. 5 d. 4

6. **Tìm số tự nhiên x, biết :**

86,76 < x < 87,43

a. 84 b. 86 c. 85 d.87

Phần II .Phần tự luận:

1/ Đặt tính rồi tính :

a/ $4 - \frac{2}{7} =$ **b)** $\frac{40}{7} x \frac{14}{5} =$

2/ Bài toán:Một người làm trong hai ngày thì được trả 160.000 đồng . Hỏi với mức trả công như vậy. Nếu làm trong 7 ngày thì người đó được trả bao nhiêu tiền ?

.....

.....

.....
.....
.....
.....
.....

ĐỀ 14

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(***Thời gian làm bài : 40 phút***)

PHẦN I: **Trắc nghiệm**:

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Câu1: Số thập phân gồm mười một đơn vị, mười một phần nghìn viết là:

A. 11,110 **C.** 10,011

B. 11,011 **D.** 11,101

Câu 2: Viết số 20,050 dưới dạng gọn hơn là:

A. 2,05 **C.** 20,05

B. 20,5 **D.** 20,50

Câu 3: Viết $\frac{5}{100}$ dưới dạng số thập phân được:

A. 5,100 **C.** 0,50

B. 0,05 **D.** 0,500

Câu 4: Số bé nhất trong các số: 45,538; 45,835; 45,358; 45,385 là:

A. 45,538 **C.** 45,358

B. 45,835 **D.** 45,385

Câu 5: 29 m 9cm =.....m . Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

A. 29,09 **C.** 29,90

B. 2,909 **D.** 2,990

Câu 6: 2,4m^2 =……dm^2. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

A. 2400 **C.** 240

B. 2040 **D.** 204

Câu 7: Một tấm bìa hình chữ nhật có chiều dài $\frac{3}{5}$ m, chiều rộng $\frac{2}{5}$ m. Diện tích của tấm bìa là:

A. $\frac{6}{25}$ m **C.** $\frac{5}{10}$ m^2

B. $\frac{6}{5}$ m^2 **D.** $\frac{6}{25}$ m^2

Câu 8: Hỗn số $8\frac{8}{100}$ viết dưới dạng số thập phân là:

A. 0,88 **C.** 8,8

B. 8,08 **D.** 8,80

PHẦN II: Tự luận:

Câu 1: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a. 4kg 75g =..... kg b. 16,5m^2 = …….m^2 …….dm^2

Câu 2: Tìm X, biết:

a) $X + \frac{1}{4} = \frac{5}{8}$ b) $X : \frac{3}{2} = \frac{1}{4}$

Câu 3: Có 12 hộp bánh như nhau đựng 48 cái bánh. Hỏi 15 hộp bánh như vậy đựng được bao nhiêu cái bánh?

ĐỀ 15

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(Thời gian làm bài : 40 phút)

Bài 1: Khoanh tròn vào câu trả lời đúng nhất:

a) Số thập phân " Chín mươi phẩy bảy mươi ba" phần thập phân có:

A. 2 chữ số B. 3 chữ số C. 1 chữ số D. 4 chữ số

b) Giá trị của chữ số 3 trong số 12,37 là:

A. 300 B. 30 C. 3 D. $\frac{3}{10}$

c) Số $30\frac{7}{100}$ viết dưới dạng số thập phân là:

A. 30,7 B. 30,07 C. 30,007 D. 300,7

d) Số thập phân 2,13 viết dưới dạng hỗn số là:

A. $2\frac{1}{3}$ B. $1\frac{13}{10}$ C. $2\frac{13}{100}$ D. $2\frac{13}{1000}$

Bài 2: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

a) $3\frac{1}{3} = 3\frac{1}{2}$ ☐ b) $4\frac{3}{10} = 4,3$ ☐

c) 4,7m^2 = 470 dm^2 ☐ d) 6,007tấn = 6tấn 7kg ☐

Bài 3: Điền dấu (>, <, =) thích hợp vào chỗ chấm:

a) 7,34 ... 7,43 b) 21,07 ... 21, 070

c) 54,11 ... 54,06 d) 14,599 ... 14,6

Bài 4: Viết các số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

a) 2m 5dm = ...m b) 4tạ 5yến = ... tạ

c) $12m^2\ 6dm^2$ = ... m^2 d) 5kg 6g = ...kg

Bài 5: Một thửa ruông hình chữ nhật có chiều dài 80m, chiều rộng bằng $\frac{1}{2}$ chiều dài.

a) Tính diện tích thửa ruộng đó ?

b) Biết rằng cứ $100m^2$ thu hoạch được 50kg thóc. Hỏi trên cả thửa ruộng người ta thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc ?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

ĐỀ 16

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(***Thời gian làm bài : 40 phút***)

I. **Trắc nghiệm**:

* **Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng**

1. **Số thập phân có: 5 đơn vị, 3 phần nghìn được viết là:**

a. 5,3 b. 5,03 c. 5,003

2. **Chữ số 6 trong số 12,567 chỉ**:

a. 6 đơn vị b. 6 phần mười c. 6 phần trăm

3. **0,4 là cách viết dưới dạng số thập phân của phân số:**

a. $\frac{4}{10}$ b. $\frac{4}{100}$ c. $\frac{4}{1000}$

4. **6,243.....6,85 dấu thích hợp điền vào chỗ chấm là:**

a. < b. > c. =

5. **Số lớn nhất trong các số 8,291; 8,59; 8,9 là:**

a. 8,291 b. 8,59 c. 8,9

6. **Dãy số thập phân được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là**:

a. 0,07; 0,5; 0,14; 0,8 b. 0,14; 0,5; 0,07; 0,8 c. 0,07; 0,14; 0,5; 0,8

7. **1450 kg =.....tấn. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:**

a.14,5 b.1,45 c. 0,145

8. **3,57 m =.....cm. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là**:

a. 35,7 b.357 c. 0,357

II. **Tự luận:**

Bài 1. Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

a. 45000m^2 =.....ha b. 15$m^2$4 dm^2 =.....m^2

27dm^2 =.....m^2 2,324 km^2 =.....ha

Bài 2. Một đội công nhân trong 3 ngày đào được 180m mương. Hỏi trong 6 ngày đội công nhân đó đào được bao nhiêu mét mương?

Giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 17

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(***Thời gian làm bài : 40 phút***)

Bài 1. Đọc các số thập phân sau:

a) 5,71 m^2:

b) 98,408 tạ:

Bài 2. Viết số thập phân sau:

a) Ba trăm linh năm đơn vị và bốn mươi hai phần trăm:

b) Hai chục, bốn đơn vị, tám phần trăm:

Bài 3. Đúng ghi Đ , Sai ghi S vào ô trống:

a. 7 m^2 24 dm^2 = 724 dm^2 ☐

b. 81ha > 90000m^2 ☐

c. 5m^2 7 dm^2 = 5 $\frac{7}{10}$ m^2 ☐

d. 15 cm^2 = 1 500 mm^2 ☐

Bài 4. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

a) Chữ số 5 trong số 20,571 có giá trị là:

A. 5 B. 500 C. $\frac{5}{10}$ D. $\frac{5}{100}$

b) 4 $\frac{3}{100}$ viết dưới dang số thập phân là:

A. 0,43 B. 4,3 C. 4,03 D. 4,003

c) Phân số nào là phân số thập phân:

A. B. C. D. $\frac{10}{200}$

d/ Số bé nhất trong các số là: 4,35 ; 4,045 ; 4,354 ; 4,4

A. 4,35 B. 4,045 C. 4,345 D. 4,4

Bài 4. Tính :

$\frac{5}{6} + \frac{1}{3} =$

Bài 5. Tìm y, biết:

a) $y + \frac{3}{4} = \frac{13}{8}$ b) $y \times \frac{3}{4} = \frac{9}{40}$

Bài 7. Mua 15 quyển sách toán hết 135 000 đồng. Hỏi mua 45 quyển sách toán hết bao nhiêu tiền ?

ĐỀ 18

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(Thời gian làm bài : 40 phút)

= =

A. TRẮC NGHIỆM

**** Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng***

Câu 1: Số $\frac{95}{1000}$ được viết thành số thập phân là:

A. 95 B. 0,95 C. 0,095 D. 0,950

Câu 2. Viết hỗn số sau thành số thập phân 58 $\frac{27}{1000}$

A. 58,27 B. 58,270 C. 27,058 D. 58,027

Câu 3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm

a) 8472kg =..................tấn b) 32 tấn = ...kg

c) 84000m^2 =.................ha d) 245 dam^2 = ...km^2

Câu 4. Sắp xếp số theo thứ tự

a) Viết các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn: 12,357 ; 12,753 ; 12,375 ;12,735.

....

b) Viết các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé: 4,7 ; 5,02 ; 3,23 ; 4,3.

....

B. TỰ LUẬN

Câu 1 (1điểm): ***Tính:***

$\frac{3}{5}+\frac{1}{2}+\frac{3}{10}$

Câu 2 ***Tìm x:***

a) $x - \frac{2}{3}=\frac{2}{15}$

b) $x \times \frac{1}{2}=\frac{2}{3}$

Câu 3:

Một hình chữ nhật có chu vi 192m. Chiều rộng bằng $\frac{5}{7}$ chiều dài. Tính diện tích của hình chữ nhật.

ĐỀ 19

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(***Thời gian làm bài : 40 phút***)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

1. $\frac{3}{8} + \frac{1}{4}$ = ? Em hãy khoanh tròn vào chữ đặt trước kết quả đúng:

A. $\frac{7}{9}$ B. $\frac{3}{4}$ C. $\frac{5}{8}$ D. $\frac{4}{12}$

2. Hỗn số $6\frac{3}{8}$ được chuyển thành phân số nào?

A. $\frac{18}{8}$ B. $\frac{9}{8}$ C. $\frac{51}{8}$ D. $\frac{17}{8}$

3. 15 km^2 = ... ha?

A. 1500 ha B. 15000 ha C. 150000 ha D. 150 ha

4. Hỗn số $58\frac{27}{1000}$ được viết thành số thập phân nào?

A. 58,27 B. 58,270 C. 27,058 D. 58,027

5. Số thập phân có: ba trăm linh tám đơn vị, năm phần trăm, chín phần nghìn, viết là:

A. 308,59 B. 308,509 C. 308,059 D. 308,590

6. Các số thập phân: 32,9 ; 33,09 ; 40,029 ; 33,1 ; 32,801 được xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

A. 32,9 ; 32,801 ; 33,09 ; 33,1 ; 40,029

B. 32,801 ; 32,9 ; 33,09 ; 33,1 ; 40,029

C. 32,801 ; 32,9 ; 33,1 ; 33,09 ; 40,029

7. 32 tấn 45 kg = ... tạ?

A. 324,5 tạ B. 320,45 tạ C. 3,245 tạ D. 32,045 tạ

8. Một sân trường hình chữ nhật có nửa chu vi là 0,15 km, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Diện tích sân trường với đơn vị đo mét vuông là:

A. 4500 m^2 B. 150 m^2 C. 5400 m^2 D. 300 m^2

II. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1: Tính

a/ 4 - $\frac{5}{7}$ b/ $\frac{40}{7} \times \frac{14}{5}$

Bài 2: Tìm **X**

Bài 3:

10 người làm xong một sân trường phải hết một tuần lễ. Nay muốn làm xong sân trường đó trong 5 ngày thì cần bao nhiêu người? (sức làm của mỗi người như nhau)

ĐỀ 20

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(Thời gian làm bài : 40 phút)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Câu 1: Khoanh tròn vào chữ đứng trước câu trả lời đúng

a) Chữ số 8 trong số 30,584 có giá trị là :

A. 80 B. $\frac{8}{10}$ C. $\frac{8}{100}$

b) Số thập phân 2,35 viết dưới dạng hỗn số là :

A. $\frac{235}{100}$ B. $2\frac{35}{100}$ C. $23\frac{5}{10}$

c) Số lớn nhất trong các số : 4,693 ; 4,963 ; 4,639 là số :

A. 4,963 B. 4,693 C. 4,639

d) Số 0,008 đọc là :

Không phẩy tám .

Không phẩy không tám

Không phẩy không trăm linh tám .

Câu 2: Đúng ghi (Đ), sai ghi (S) vào ô trống.

a) $7m^2\ 24dm^2 = 724\ dm^2$ ☐

b) 81 ha > 90000 m^2 ☐

c) $19\frac{25}{100} = 19,25$ ☐

d) $5m^2\ 7dm^2 = 5\frac{7}{10}\ m^2$ ☐

Câu 3: Điền dấu < , > , = vào ô trống :

76,8 ☐ 76,79 45,384 ☐ 35,384

17,5 ☐ 17,500 $\frac{145}{10}$ ☐ 14,5

II. PHẦNTỰ LUẬN:

Câu 1. Bài toán:

Một cửa hàng trong hai ngày bán được 1600 lít nước mắm. Ngày thứ nhất bán được gấp 3 lần lít nước mắm ngày thứ hai.

a. Tính số lít nước mắm bán trong mỗi ngày.

b. Tính số tiền bán được cả hai ngày, biết rằng 1 lít nước mắm giá 8000 đồng?

Câu 2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a) 5 m^2 = ……..……cm^2 b) 2 km^2 = ……ha

c) 2608 m^2 = …….dam^2……m^2 d) 30000 hm^2 = …… ha

ĐỀ 21

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(Thời gian làm bài : 40 phút)

PHẦN I: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

1. Viết số: $\frac{5}{100}$ dưới dạng số thập phân là:

A. 0,5 B. 0,005

C. 0,05 D. 5,0

2. Số thập phân có chữ số 5 ở hàng phần nghìn là:

A. 125,341 B. 513,241

C. 231,452 D. 213,345

3. Số "Chín đơn vị và tám phần nghìn" viết là:

A. 9,8 B. 9,800

C. 9,008 D. 9,08

4. Số lớn nhất trong các số sau là:

A. 3,445 B. 3,455

C. 3,454 D. 3,444

PHẦN II:

Câu 1: Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

a, $4m^2 8dm^2$ = ... m^2

b, $9km^2 72m^2$ = ... km^2

Câu 2: Mua 12 quyển vở hết 18000 đồng. Hỏi mua 60 quyển vở như thế hết bao nhiêu tiền?

Giải:

.....

.....

.....

.....

Đáp số: .....

Câu 3: Tìm số tự nhiên x tròn chục sao cho:

21,5 < x < 41,2 x = ...

ĐỀ 22

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(Thời gian làm bài : 40 phút)

Ph ần I: Trắc nghiệm

Câu 1: Chữ số 3 trong số thập phân 465,732 thuộc hàng nào?

A. Hàng chục B. Hàng trăm C. Hàng phần mười D.Hàng phần trăm

Câu 2: Hỗn số $8\frac{25}{100}$ chuyển thành phân số được:

A. 8,25 B. 82,5 C. 8, 205 D. 8, 025

Câu 3 Số "Mười bảy phẩy năm mươi sáu" viết như sau:

A.107,56 B.17,056 C.17,506 D. 17,56

Câu 4: Viết số 6,8 thành số có 3 chữ số phần thập phân là:

A.6,80 B. 6,800 C. 6,8000 D. 6,080

Phần II: Tự luận

Câu 1: Tính:

a, $\frac{6}{7} + \frac{5}{7}$ = ...

b, $\frac{4}{9} - \frac{1}{6}$ = ...

c, $\frac{3}{10} \times \frac{4}{9}$ = ...

d, $3 : \frac{1}{2}$ = ...

Câu 2: Để lát nền một phòng học, người ta đã dùng hết 200 viên gạch hình vuông có cạnh 40cm. Hỏi căn phòng đó có diện tích bao nhiêu mét vuông, biết diện tích phần gạch vữa không đáng kể?

ĐỀ 23

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(Thời gian làm bài : 40 phút)

Phần 1:

Bài 1: Em hãy khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

1. Số ***"mười chín phẩy bốn mươi hai"*** viết là:

A. 109, 42 B. 19,402 C. 109,402 D. 19,42

2. Số thích hợp để điền vào chỗ chấm (.....): 5m 2cm = ... m là:

A. 5,2 B. 52 C. 5,02 D. 0,52

3. Hỗn số $7\frac{3}{8}$ chuyển thành phân số có kết quả là:

A. $\frac{56}{8}$ B. $\frac{58}{8}$ C. $\frac{59}{8}$ D. $\frac{57}{8}$

4. Mua 15 quyển vở hết 45000 đồng. Hỏi mua 20 quyển vở như thế hết ... đồng.

A. 50000 B. 60000 C. 70000 D. 80000

Bài 2: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

$6cm^2\ 8mm^2 = 680\ mm^2$. ☐

6 tấn 203kg = 6,203 tấn. ☐

Biết 0,9 < x < 1,7. Vậy số tự nhiên x là 1. ☐

Phần 2:

Bài 1: Tìm X:

a) $X + \frac{3}{7} = \frac{8}{9}$ b) $\frac{4}{9} \times X = \frac{15}{27}$

Bài 2: Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

a) 5m 35cm = ...m b) 4 tấn 365 kg = ... tấn.

c) 35 ha = ... km^2 d) 500g = ... kg

Bài 3: Một mảnh đất hình chữ nhật có nửa chu vi là 81m, chiều dài bằng $\frac{5}{4}$ chiều rộng. Người ta sử dụng $\frac{4}{5}$ diện tích mảnh đất để làm nhà, diện tích còn lại để làm sân. Tính diện tích phần làm sân đó ?

ĐỀ 24

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(Thời gian làm bài : 40 phút)

Phần I: Hãy khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Chữ số 7 trong số 5,678 có giá trị là :

A. 7 B. 70 C. $\frac{7}{10}$ D. $\frac{7}{100}$

Câu 2: $5\frac{7}{1000}$ viết dưới dạng số thập phân là :

A. 5,0007 B. 5,007 C.5,07 D. 57,

1000

Câu 3: Số thập phân gồm có ba trăm linh tám đơn vị, năm phần trăm, chín phần nghìn được viết .

A.308,059 B. 308,509 C. 308,59 D. 308,590

Câu 4.Xếp các số sau đây theo thứ tự từ lớn đến bé: 8,543; 9,13; 8,69; 9,078; 9,08

A. 9,13; 9,078; 9,08; 8,69; 8,543; B. 9,13; 9,08; 9,078; 8,543; 8,69

C. 9,13; 9,08; 9,078; 8,69; 8,543;

Câu 5: Điền dấu (>, <, =) thích hợp vào chỗ chấm: 9,400.....9,40

A.9,400....>.....9,40 B.9,400.....=.....9,40 C.9,400.....<.....9,40

Câu 6: Tìm số tự nhiên x, biết : 38,46 < x < 39,08

A. 38 B. 39 C. 40 D. 41

Câu 7: Viết số thích hợp vào chỗ chấm : 16 dm^2 8mm^2 =.....cm^2

A.1600,08 cm^2 B.160,8 cm^2 C. 16,8 cm^2 D. 160,08cm^2

Câu 8: Mua 5 cây bút bi hết 6000 đồng. Hỏi mua 15 cây bút bi như thế hết bao tiền?

A. 16000 đồng B. 17000đồng C.18000 đồng

Phần II:

Câu 1. Viết số

a) Hai mươi mốt phần nghìn : .....

b) Số thập phân gồm hai chục và ba phần trăm : .....

Câu 2. Điền số thích hợp vào chỗ trống.

2m^2 3 dm^2 = ... dm^2 b) 720 ha = ... km^2

Câu 3. Một đội công nhân làm đường có 63 người làm xong quãng đường đó trong 11 ngày. Hỏi muốn làm xong quãng đường đó trong 7 ngày thì phải thêm bao nhiêu người nữa?

ĐỀ 25

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(Thời gian làm bài : 40 phút)

.....

***A/* PhÇn tr¾c nghiÖm:**

Khoanh vµo ch÷ c¸i ®Æt tríc c©u tr¶ lêi ®óng:

C©u 1 : Số 0,009 đọc là :

A. Không phẩy không chín . B. Không phẩy chín C. Không phẩy không không chín

C©u 2: Sè " Bốn tr¨m linh bốn đơn vị , ba phần trăm và bảy phần nghìn" ®îc viÕt lµ :

A . 44,037 B. 404,37 C. 404,037

C©u 3: Ch÷ sè 3 trong sè 12, 357 chØ :

A. 3 ®¬n vÞ B. 3 phÇn mêi C. 3 phÇn tr¨m

C©u 4 : Sè lớn nhÊt trong c¸c sè: 5,87 ; 6,089 ; 6,80 lµ :

A . 5,87 B. 6,089 C. 6,80

C©u 5: 23,7 ……23,70. Dấu thích hợp cần điền vào chỗ chấm là :

A. < B. > C. =

C©u 6: $8\frac{2}{7}$ = …….. Sè thích hợp điền vµo chç chÊm là:

A. 10/7 B. 58/7 C. 16/7

C©u 7: Tìm chữ số x , biết : 35,8x5 > 35,889

A. x = 9 B. x = 8 C. x = 7

C©u 8: Viết sè thích hợp vµo chç chÊm 26 km 5 m = ...km .

A. 26,5 B. 26,05 C. 26,005

C©u 9: 5cm² 3 mm² ….. 5003 mm² . Dấu thích hợp cần điền vào chỗ chấm là :

A. < B. > C. =

C©u 10: Một mảnh đất hình vuông có chu vi 24 m . Diện tích khu đất là :

A. 6m² B. 36m² C. 576m²

B - PhÇn thùc hµnh :

C©u 1: §iÒn sè thÝch hîp vµo chç chÊm :

601ha =.....km²

0,1032ha = ... m²

$6dm^2 3cm^2$ = ……dm^2

3,034 km = ……..m

C©u 2: Xếp các số thập phân sau theo thứ tự từ bé đến lớn :

4,453 ; 5,012 ; 4,345 ; 5,102 ; 6,089 ; 8,001

……

……

C©u 3: Mua 24 quyển vë hÕt 216 000 ®ång. Hái mÑ mua 36 quyển vë hÕt bao nhi[a]u tiÒn ?

ĐỀ 26

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(Thời gian làm bài : 40 phút)

PHẦN I: Trắc nghiệm:

Hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng cho mỗi bài tập dưới đây:

1. Số mười lăm phẩy hai mươi ba được viết là:

A . 15,023 B . 15,23 C . 15,203 D . 105,23

2. Số thập phân: không đơn vị, tám phần trăm được viết là:

A. 0,8 B. 0,0008 C. 0,008 D. 0,08

3. Số 12,789 có chữ số 8 ở hàng :

A. Hàng chục. B. Hàng phần mười.

C. Hàng phần trăm. D. Hàng phần nghìn.

4. 12,235 hm = 1223,5……. Đơn vị cần điền vào chỗ chấm là:

A. km B. dam C. cm D. m

5. Giá trị chữ số 7 trong số 12,478 là:

A. 700 B. $\frac{7}{100}$ C. $\frac{7}{10}$ D. $\frac{7}{1000}$

6. $\frac{6}{100}$ viết dưới dạng số thập phân là:

A. 0,6 B. 0,006 C. 0,06 D. 6,0

7. Số điền vào chỗ chấm thích hợp là:

a) $1654m^2$ = …… ha

A. 1654 B. 16,54 C. 0,1654 D. 1,654

b) 3 dam^2 8 m^2 = ……. m^2

A. 308 B. 380 C. 38 D. 3080

PHẦN II: Tự luận:

Bài 1: So sánh hai số thập phân sau :

a) 59,84 và 61,13 b) 0,92 và 0,895

Bài 2: Viết các phân số thập phân sau thành số thập phân: (1 điểm)

a) $\frac{127}{10}$ b) $\frac{46}{100}$

Bài 3: Một mảnh đất hình vuông có chu vi 160 m. Hỏi diện tích mảnh đất đó là bao nhiêu đề-ca-mét vuông?

Bài 4: Tuổi bố gấp 3 lần tuổi con, và bố hơn con 26 tuổi. Tính tuổi mỗi người.

ĐỀ 27

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(Thời gian làm bài : 40 phút)

Bài1:

Mỗi bài tập dưới đây có kèm theo một số câu trả lời A,B,C,D (là đáp số, và kết quả tính). Hãy khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

a/ Số "Mười bảy phẩy bốn mươi hai" viết là:

A. 107,402 B. 17,402 C. 17,42 D. 107,42

b/ Số 63,08 gồm:

A.sáu mươi ba đơn vị, tám phần mười. C. sáu mươi ba đơn vị, tám phần nghìn.

B.sáu mươi ba đơn vị, tám phần trăm. D. sáu đơn vị, ba tám phần nghìn.

c/ Số lớn nhất trong các số 8,09 ; 7,99 ; 8,89 ; 8,9 là:

A. 8,09 B. 7,99 C. 8,89 D. 8,9

d/ $6cm^2 8mm^2 = \ldots\ldots mm^2$

Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

A. 68 B. 608 C. 680 D. 6800

đ/ Viết $\frac{1}{10}$ dưới dạng số thập phân được:

A. 1,0 B. 10,0 C. 0,01 D. 0,1

e/Gía trị chữ số 8 trong số 32,086 là:

A. tám phần mười. C. tám phần nghìn.

B. tám đơn vị. D. tám phần trăm.

Bài 2: a,Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn.

42,56 ; 45,3 ; 43,13 ; 42,48 ; 45,29.

……..

b,Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé.

0,32 ; 0,197 ; 0,4 ; 0,321 ; 0,187.

……..

Bài 3: Điền dấu < ;> ; = vào chỗ chấm:

a, 23,56 ….. 32,12 b, 47,5 ….. 47,05

Bài 4: Tìm chữ số x biết : 8,7x6 < 8,716

……..

Bài 5: Mua 12 quyển vở hết 36.000đ. Hỏi mua 60 quyển vở như thế hết bao nhiêu tiền?

……..

……..

……..

……..

……..

……..

ĐỀ 28

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(***Thời gian làm bài : 40 phút***)

PHẦN 1: Trắc nghiệm

Bài 1. Viết đúng số thập phân vào chỗ chấm:

a/ Chín đơn vị, năm phần mười

……

b/ Một trăm mười lăm đơn vị, bảy phần trăm……..

Bài 2. Số thập phân gồm có "tám mươi ba đơn vị; chín phần mười và bảy phần trăm" được viết là :

A. 83,907 B. 8,379 C. 83,97 D. 839,7

Bài 3: Viết $\frac{15}{100}$ dưới dạng số thập phân được :

A. 15,0 B. 1,50 C. 0,15 D. 0,015

Bài 4: Số lớn nhất trong các số sau 4,52; 5,42; 4,25; 5,24 là :

A. 4,25 B. 5,42 C. 4,52 D. 5,24

Bài 5: Chữ số 6 trong số thập phân 24,36 có giá trị là :

A. 6 B. 36 C. $\frac{6}{10}$ D. $\frac{6}{100}$

Phần II : Tự luận

Bài 1: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 25 dam^2 = ... m^2 b) $\frac{1}{10}$ km^2 = ... ha

Bài 2 : Tính :

a) $\frac{3}{4}+\frac{7}{8}=$ .....

b) $\frac{4}{5}-\frac{3}{7}=$ .....

c) $\frac{4}{5}\times\frac{3}{8}=$ .....

d) $\frac{3}{5}:\frac{2}{3}=$ .....

a). X : $\frac{3}{4} = \frac{2}{5}$ b). X x $\frac{3}{7} = \frac{6}{5}$

Bài 3: **Tìm X:**

Bài 4: Một vườn hoa hình chữ nhật có chiều dài hơn chiều rộng 40 m và chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài.

a) Tính chiều dài, chiều rộng vườn hoa ? b) Diện tích vườn hoa ?

ĐỀ 29

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(***Thời gian làm bài : 40 phút***)

I. Phần trăc nghiệm

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng (***A,B,C,D***)

Câu 1: Hỗn số $3\frac{5}{7}$ bằng phân số nào?

A. $\frac{35}{7}$ **B**. $\frac{15}{7}$ **C**. $\frac{22}{7}$ **D**. $\frac{26}{7}$

Câu 2: $\frac{1}{2}+\frac{3}{5}=?$

A. $\frac{4}{7}$ **B**. $\frac{11}{10}$ **C**. $\frac{4}{10}$ **D**. $\frac{5}{6}$

Câu 3: $\frac{5}{8}-\frac{2}{5}=?$

A. $\frac{3}{3}$ **B**. $\frac{9}{20}$ **C**. $\frac{9}{40}$ **D**. $\frac{10}{16}$

Câu 4: $\frac{3}{5}:\frac{1}{2}=?$

A. $\frac{6}{5}$ **B**. $\frac{3}{10}$ **C**. $\frac{5}{6}$ **D**. $\frac{6}{10}$

Câu 5: Điền số thích hợp vào chỗ chấm :

45dam = . . . dm

A.450 **B**.4500 **C**.45000 **D**.4050

b)8 tấn 9 kg = . . . tấn

A.8,9 **B**.8,09 **C**.8,009 **D**.80,09

c) 12 cm^2 5 mm^2 = . . . cm^2

A.12,05 **B.**12,5 **C.**12,50 **D**.1250

II .Phần tự luận

Bài 1:

a)Viết các số theo thứ tự từ bé đến lớn:

5,7 ; 6,02 ; 4,52 ; 4,28 ; 5,69

b)Tìm số tự nhiên **x** biết : 82,97 < **x** < 83,14

Bài 2

Người ta lát sàn gỗ một căn phòng hình chữ nhật có chiều dài 9m, chiều rộng 5m.Hỏi phải tốn bao nhiêu tiền để mua gỗ lát cả căn phòng đó? Biết giá 1m^2 gỗ la 250000 đồng

ĐỀ 30

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(***Thời gian làm bài : 40 phút***)

I. **PHẦN 1**: ***Trắc nghiệm***

Khoanh tròn vào trước chữ cái câu trả lời đúng.

1) *Phân số thập phân* $\frac{605}{100}$ *được viết dưới dạng số thập phân là:*

a. 6,05 b. 0,65 c. 0,605 d. 6,050

2) *Số thập phân trong các số* 16,375 ; 16,573 ; 16,357 ; 15,753 : *số lớn nhất là*

a. 16,357 b. 16,375 c. 15,753 d. 16,573

3) $\frac{1}{4}$ ha là:

a. 500 m^2 b. 1000 m^2 c. 1500 m^2 d. 2500 m^2

4) *Trong hộp có 24 viên bi vừa bi xanh vừa bi đỏ. Trong đó có* $\frac{3}{8}$ *là số bi đỏ. Vậy số bi đỏ có tất cả là:*

a. 6 b. 9 c. 12 d. 3

5) *Số thích hợp điền vào chỗ* (….) *của* $3m^2\ 5cm^2$ = ……. cm^2 là:

a. 305 cm^2 b. 3005 cm^2 c. 30005 cm^2 d. 35000cm^2

II. **PHẦN 2**: ***Tự luận*** .

Tìm X:

$X + \frac{1}{4} = \frac{5}{8}$

……..

……..

……..

……..

$X : \frac{3}{4} = \frac{4}{10}$

……..

……..

……..

……..

2) **Bài toán:**

Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 80 m chiều rộng bằng $\frac{3}{4}$ *chiều dài.*

a/ Tính diện tích thửa ruộng đó?

b/ Biết rằng trên thửa ruộng đó cứ 100 m^2 thu hoạch được 50 kg thóc. Hỏi cả thửa ruộng người ta thu được bao nhiêu tạ thóc ?

……

……

……

……

.....
.....
.....
.....
.....

ĐỀ 31

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(***Thời gian làm bài : 40 phút***)

I. TRẮC NGHIỆM

Em hãy khoanh vào câu trả lời đúng nhất

Câu 1: Hỗn số $4\frac{2}{3}$ được chuyển thành phân số nào dưới đây?

a. $\frac{8}{12}$ b. $\frac{8}{3}$ c. $\frac{14}{3}$ d. $\frac{14}{2}$

Câu 2: 5ha 47m^2 = ……ha

a. 5,47 b. 5,047 c. 5,0047 d. 547

Câu 3: 6tấn 15kg = ……...kg

a. 615 b. 60015 c. 6015 d. 6,15

Câu 4: Phân số $\frac{2}{3}$ bằng phân số nào dưới đây?

a. $\frac{2}{9}$ b. $\frac{4}{9}$ c. $\frac{6}{9}$ d. $\frac{8}{9}$

Câu 5: Chữ số 2 trong số thập phân 85,924 có giá trị:

a. $\frac{2}{10}$ b. $\frac{2}{100}$ c. $\frac{2}{1000}$

d. 2

Câu 6: "Hai đơn vị, hai phần nghìn" viết là:

a. 2,2 b. 2,02 c. 2,002 d. 2,0200

Câu 7: Số 0,005 đọc là:

a. Không phẩy năm b. Không phẩy không trăm linh năm

c. Không phẩy không trăm d. Năm phẩy

Câu 8: Số lớn nhất trong các số: 5,693 ; 5,963 ; 5,639 ; 5,936

a. 5,693 b. 5,963 c. 5,639 d. 5,936

II. TỰ LUẬN

Câu 1: Tính

a) $4\frac{3}{4}-2\frac{1}{3}$ b) $\frac{8}{9}:\frac{11}{9}+\frac{2}{3}$

Câu 2: Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 150m. Chiều rộng bằng $\frac{3}{5}$ chiều dài.

Tính diện tích thửa ruộng hình chữ nhật đó.

Trung bình cứ $100m^2$, người ta thu hoạch được 60kg thóc. Hỏi thửa ruộng đó thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc?

ĐỀ 32

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(Thời gian làm bài : 40 phút)

Bài 1:a/ Đọc số thập phân sau

42,507……

……b/ Viết phân số thập phân sau thành số thập phân:

$\frac{403}{100} =$

……

Bài 2:Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

1. Số thập phân bằng với 5,062 là:

A. 5,0620 B. 50,62 C. 506,2 D. 5,62

2. Dãy số nào đã được sắp xếp theo thứ tự bé đến lớn?

a. 83,2 <83,19 <38,91 < 38,19

b. 83,19 < 83,2 < 38,91<38,19

c. 38,19 < 38,91 < 83,19 < 83,2

3. 9m 4dm =……?

a. 94m b. 9,4dm c. 9,04m d. 9,4m

4. 5km 32m = ……?

a. 5,032m b. 5,032km c. 5,320m d. 5,320km

5. 500kg = …….?

a. 0,5 tấn b. 0,5tạ c. 0,500tạ d. 0,005tấn

6. 7,34 ha = ……?

a. 7,3400m^2 b. 7340m^2 c. 73400m^2 d. 70034m^2

Bài 3: Tìm X

a/ $x + \frac{2}{5} = \frac{1}{2}$

……

……

……

b/ $x - \frac{2}{5} = \frac{2}{7}$

……

……

……

Bài 4 Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 75m; chiều rộng bằng 2/3 chiều dài.

Tính diện tích thửa ruộng bằng mét vuông, bằng hec-ta.

Biết rằng, cứ 150 m^2 thu hoạch được 40kg thóc. Hỏi trên cả thửa ruộng đó người ta thu hoạch được bao nhiêu ki- lô- gam thóc?

ĐỀ 33

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(Thời gian làm bài : 40 phút)

Phần I: Trắc nghiệm

Em hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

1. Viết số thập phân gồm có: Bốn mươi lăm đơn vị, ba phần mười, hai phần trăm và một phần nghìn là:

A. 4,321 C. 45,321

B. 45,231 D. 45,132

2. Chữ số 5 trong số thập phân 6,359 có giá trị là:

A. C.

B. D.

3. Phân số thập phân viết dưới dạng số thập phân là:

A. 0,7 C. 0,07

B. 0,007 D. 7,100

4. Số thập phân lớn nhất trong các số thập phân : 5,649 ; 5,694 ; 5,96 ; 5,946

A. 5,649 C. 5,96

B. 5,694 D. 5,946

5. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm:

9 dm^2 5 cm^2 = ... cm^2

A. 95 B. 905 C. 950 D. 9500

6. $7,2 < x < 7,3$

Số thích hợp thay vào x là: (0,5 đ)

A. 7,23 B. 7,32 C. 7,12 D. 7,43

7. Một khu vườn gồm một hình chữ nhật và một hình vuông (như hình bên). Diện tích của hình bên là:

A. 1064 m^2

B. 1764 dm^2

C. 1064 dm^2

D. 1764 m^2

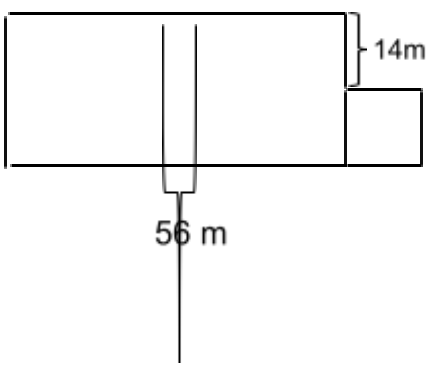

Phần II: Tự luận

VnDoc.com
VnDoc - Tải tài liệu, văn bản pháp luật, biểu mẫu miễn phí

Bài 1 : Tính

: a) $\frac{1}{3} + \frac{1}{4} =$ b) $\frac{3}{5} - \frac{2}{7} =$

c) $\frac{5}{7} : \frac{2}{3} =$ d) $\frac{2}{5} \times \frac{1}{4} =$

2. Tìm x:

3 - x =

……

……

…… .

3. Bài giải:

Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 64m, chiều rộng bằng chiều dài.

a.Tính diện tích mảnh vườn đó.

b.Người ta dùng mảnh đất để trồng hoa. Tính diện tích trồng hoa?

Giải:

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

ĐỀ 34

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(*Thời gian làm bài : 40 phút*)

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Mỗi bài tập dưới đây có kèm theo một số câu trả lời A,B,C,D. Hãy khoanh vào chữ cái in hoa đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1: *Giá trị của x trong* $x : \frac{2}{9} = 18$ *là :*

2 B.. $\frac{162}{2}$ C. 4 D. $\frac{18}{9}$

Câu 2 : $\frac{3}{5}$ *của 4 tấn là:*

A. 2400 kg B. 240 kg C. 24 kg D. 24000 kg

Câu 3: *5 cm^2 7 mm^2 = ... mm^2 . Số thích hợp viết vào chỗ chấm là :*

A. 57 B. 507 C. 570 D. 5700

Câu 4 : *25 ha = ... km^2 . Số thập phân thích hợp viết vào chỗ chấm là :*

A. 0,0025 B. 0,025 C. 0,25 D. 2,5

Câu 5 : *Các số thập phân sau được viết theo thứ tự từ bé đến lớn :*

A. 0,8 ; 0,75 ; 0,156 ; 0,453

B. 0,75 ; 0,8 ; 0,156 ; 0,453

C. 0,156 ; 0,453 ; 0,75 ; 0,8

D. 0,156 ; 0,453 ; 0,8 ; 0,75

B. PHẦN II

Câu 1 : *Tính*

$\frac{6}{7} + \frac{5}{8} =$

$- \frac{3}{5} = \frac{3}{8}$

c) $\frac{5}{7} : \frac{2}{3} =$ .....

d) $\frac{2}{5} \times \frac{1}{4} =$ .....

Câu 3: Giải toán:

Số gạo nếp bằng $\frac{1}{5}$ số gạo tẻ và kém số gạo tẻ 60 kg. Tính số gạo nếp và số gạo tẻ ?

ĐỀ 35

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(Thời gian làm bài : 40 phút)

I.PhÇn tr¾c nghiÖm : Em h·y khoanh vµo c©u tr¶ lêi ®óng nhÊt

1. Sè thËp ph©n gåm : Ba ngh×n kh«ng tr¨m linh chÝn ®¬n vÞ , t¸m phÇn tr¨m ®îc viÕt lµ :

a. 3 009, 8 ; b. 3900, 08 ; c. 3009 , 08 ; d. 3900, 8

2.Trong c¸c sè : 512,34 ; 432, 153 ; 253, 148 ; 132,115 sè cã ch÷ sè 5 ë hµng phÇn tr¨m lµ :

a. 512,34 ; b. 132,115 ; c. 432, 153 ; d. 253, 148

3.Sè lín nhÊt trong c¸c sè : 9,82 ; 8,29 ; 9,28 ; 8,92 lµ :

a. 9,82 ; b. 8,29 ; c. 8,92 ; d. 9,28

4.ViÕt c¸c sè: 5,8; 6,02; 4,32; 5,17 theo thø tù tõ lín ®Õn bÐ lµ :

a. 6,02; 5,17; 4,32; 5,8 ; b. 5,17; 4,32; 6,02; 5,8

c. 6,02; 5,8; 5,17; 4,32 ; d. 4,32; 5,17; 5,8; 6,02

5.15 ha = …. m^2

a. 1500 ; b. 1005 ; c. 1005 ; d. 150000

6. T×m x, biÕt x lµ sè tù nhi^{a}n vµ 58,65 < x < 59,12

a. x= 59 ; b. x= 58 ; c. x=60 ; d. x=61

II.phÇn tù luËn

1.ViÕt sè thÝch hîp vµo chç trèng

12,15 km^2 = …… ha 7m 58 cm = …… m

2. §iÒn dÊu : < ,= , > vµo chç chÊm :

92, 5…… 92,15 48,5 …… 48,500

3.

a.ViÕt c¸c sè sau : 5,3 ; 5,032 ; 3,5 ; 3, 502 ; 5, 32 theo thø tù tõ bÐ ®Õn lín :

b.ViÕt c¸c sè sau : 12, 09 ; 21, 9 ; 92, 12 ; 29,21 ; 12, 19 theo thø tù tõ lín ®Õn bÐ :

VnDoc.com VnDoc - Tải tài liệu, văn bản pháp luật, biểu mẫu miễn phí

4. Mét líp häc cã 35 häc sinh, trong ®ã sè häc sinh nam b»ng sè häc sinh n÷. Hái líp ®ã cã bao nhi¹u häc sinh nam, bao nhi¹u häc sinh n÷?

ĐỀ 36

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(Thời gian làm bài : 40 phút)

I.Phần trắc nghiệm:

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Số thích hợp viết vào chỗ chấm 7,8...3 < 7,813 là:

A . 0 **B.** 1 **C.** 2 **D.** 3

Câu 2: Phân số bằng phân số $\frac{3}{4}$ là:

A.. $\frac{9}{16}$ **B.** $\frac{6}{8}$ **C.** $\frac{9}{8}$ **D.** $\frac{6}{12}$

Câu 3: Cho số thập phân 29,654. chữ số 5 có giá trị là:

A . 5 **B.** $\frac{5}{10}$ **C.** $\frac{5}{100}$ **D.** $\frac{5}{1000}$

Câu 4: Phân số nào là phân số thập phân:

A. **B.** **C.** **D.** $\frac{6}{12}$

Câu 5: Số thập phân 2,35 viết dưới dạng hỗn số là :

A. $\frac{235}{100}$ **B.** $2\frac{35}{100}$ **C.** $23\frac{5}{10}$ **D.** $\frac{35}{100}$

Câu 6: Số lớn nhất trong các số : 5,693 ; 5,963 ; 5,639 ; 5,936 là số :

A. 5,963 **B.** 5,693 **C.** 5,639 **D.**5,936

Câu 7: Số 0,005 đọc là :

Không phẩy năm .

Không , không năm .

Không phẩy không trăm linh năm .

Năm đơn vị

Câu 8: Số thập phân gồm "***Tám trăm, sáu đơn vị và mười bốn phần trăm***" là:

A . 806,14 **B.** 800,614 **C.** 860,14 **D.** 806,140

Câu 9: $2m^2\ 75cm^2$ = … cm^2. Số thích hợp điền vào chỗ trống là:

A . 275 **B.** 27500 **C.** 20750 **D.** 20075

Câu 10 : Số thích hợp điền vào chỗ chấm 9 tấn 25 kg = … tấn

A . 925 **B**.9,25 **C**. 9,025 **D**. 9025

II. Phần tự luận:

Câu 1: Tính:

a. $\frac{6}{8} + \frac{5}{7}$ b. $\frac{6}{8} - \frac{7}{16}$

Bài 2. Tìm y, biết:

a) $y + \frac{3}{4} = \frac{13}{8}$ b) $y \times \frac{3}{4} = \frac{9}{40}$

Bài 3. Mua 15 quyển sách toán hết 135 000 đồng. Hỏi mua 45 quyển sách toán hết bao nhiêu tiền ?

ĐỀ 37

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(*Thời gian làm bài : 40 phút*)

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

1. Phân số nào dưới đây bằng $\frac{3}{5}$?

A. $\frac{9}{15}$ B. $\frac{12}{18}$ C. $\frac{15}{21}$ D. $\frac{60}{80}$

2. Phân số nào dưới đây lớn hơn 1 ?

A. $\frac{5}{7}$ B. $\frac{13}{15}$ C. $\frac{6}{5}$ D. $\frac{9}{11}$

3. Giá trị của chữ số 4 trong số 54286 là:

A. 4 B. 40 C. 400 D. 4000

4. Số thích hợp viết vào chỗ chấm để $7cm^2\ 4mm^2 =$ mm^2 là:

A. 74 B. 704 C. 740 D. 7400

5. Trong các số thập phân 47,39 ; 47,4 ; 46,88 ; 46,9 số thập phân bé nhất là:

A. 47,39 B. 47,4 C. 46,88 D. 46,9

6. Viết các số 32,546; 23,655; 32,654; 32,456 theo thứ tự :

Từ lớn đến bé:.....

B. PHẦN TỰ LUẬN

Baìi 1: Tçm x

a. $x + \frac{1}{5} = \frac{5}{7}$ b. $x - \frac{2}{5} = \frac{2}{7}$

Baìi 2: Tính

a. $\frac{3}{5} \times \frac{2}{7} \times \frac{5}{6}$ b. $\frac{3}{5} : \frac{3}{8} \times \frac{3}{4}$

Baìi 3: Baìi toaïn.

Một lớp học có 35 học sinh, trong đó số học sinh nam bằng $\frac{2}{3}$ số học sinh nữ. Hỏilớp học đó có bao nhiêu học sinh nam, bao nhiêu học sinh nữ?

ĐỀ 37

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(***Thời gian làm bài : 40 phút***)

I . **Trắc nghiệm:**

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng

1/ Phân số bằng phân số $\frac{18}{54}$ là:

A. $\frac{1}{3}$ B. $\frac{1}{4}$ C. $\frac{3}{8}$ D. $\frac{3}{7}$

2/ Trong các phân số $\frac{12}{30}$; $\frac{24}{50}$; $\frac{36}{62}$; $\frac{6}{18}$ phân số nào bằng phân số $\frac{2}{5}$?

A. $\frac{6}{18}$ B. $\frac{24}{50}$ C. $\frac{12}{30}$ D. $\frac{36}{62}$

3/ / Kết quả của phép cộng : $2\frac{1}{4} + 5\frac{1}{2}$ là:

A. $7\frac{1}{4}$ B. $\frac{20}{4}$ C. $7\frac{3}{4}$ D. $7\frac{1}{3}$

4/ 8 kg 2 g = ……kg. Số thích hợp viết vào chỗ chấm là:

A. 8,02 B. 8,002 C. 8,2 D. 8,0002

5/ 25678 m^2 = ……..ha. Số thích hợp viết vào chỗ chấm là:

A. 25,678 B. 0,25678 C. 256,78 D. 2, 5678

6/ 5 m^2 7 dm^2 =..... cm^2. Số thích hợp viết vào chỗ chấm là:

A. 50700 B. 500700 C. 5070 D. 507000

II. Tự luận:

Bài 1: Tính giá trị của biểu thức.

a/ $\frac{2}{3} - \frac{1}{3} \times \frac{4}{5}$ = ……

Bài 2: Tìm **y.**

a/ $\frac{2}{3} \times \mathbf{y} = \frac{3}{5}$ b/ $\mathbf{y} + \frac{7}{9} = 2\frac{1}{3}$

Bài 3:

Chu vi một khu đất hình chữ nhật là 360 m, biết rằng chiều dài bằng $\frac{5}{4}$ chiều rộng.

Hỏi diện tích khu đất là bao nhiêu mét vuông?

ĐỀ 39

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(Thời gian làm bài : 40 phút)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Hãy khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

1. $\frac{14}{700} = \frac{\square}{100}$

A. 14 B. 7 C. 2 D. 100

2. Chuyển hỗn số $4\frac{3}{8}$ **thành phân số**

A. $\frac{12}{8}$ B. $\frac{35}{8}$ C. $\frac{7}{8}$ D. $\frac{32}{8}$

3. Số thập phân gồm có: "Ba trăm linh tám đơn vị, năm phần trăm, chín phần nghìn", viết là:

A. 308,059 B. 308,509 C. 308,59 D. 308,590

4. Chữ số 4 trong số 37,304 có giá trị là:

A. 4 B. 0,4 C. 0,04 D. 0,004

5. Cho các số thập phân: 8,310; 8,301; 8,013; 8,031. Số bé nhất là:

A. 8,310 B. 8,301 C. 8,013 D. 8,031

6. Một số tự nhiên x, biết 38,46 < x < 39,08. x bằng:

A. 38 B. B 39 C. 40 D. 41

7. $6m^2 7dm^2$ = … m^2. Số thích hợp để điền vào chỗ chấm là:

A. $6,07m^2$ B. $6,7m^2$ C. $60,7m^2$ D. $6,007m^2$

8. Tổng của hai số là 100. Số bé bằng $\frac{3}{7}$ **số lớn. Hai số đó là:**

A. 3 và 97 B. 3 và 7 C. 30 và 70 D. 33 và 97

II. PHẦN TỰ LUẬN:

Bài 1: Tính:

a) $\frac{3}{2} + \frac{7}{4} + \frac{1}{8}$ **b)** $\frac{5}{8} - \frac{3}{5}$

Bài 2: Tìm x, biết

a) $x \times \frac{3}{4} = \frac{15}{16}$ b) $x : \frac{1}{2} = \frac{4}{3}$

Bài 3:

Trong một ngày, 3 công nhân làm được 72 sản phẩm. Hỏi với mức làm như vậy, trong một ngày, 12 công nhân làm được bao nhiêu sản phẩm ?

ĐỀ 40

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(Thời gian làm bài : 40 phút)

Phần 1: Hãy khoanh tròn vào các chữ trước câu trả lời đúng:

1. Trong các số 216,58; 379,23; 712,46; 531,72. Số có chữ số 2 ở hàng phần mười là:

a. 216,58 b. 379,23 c. 712,46 d. 521,72

2. Viết $\frac{7}{100}$ dưới dạng số thập phân được:

a. 0,7 b. 7,0 c. 0,07 d. 70,0

3. Số bé nhất trong các số 5,92; 6,01; 4,99; 7,23 là:

a. 5,92 b. 6,01 c. 4,99 d. 7,23

Phần 2:

1. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a. 6m25 cm = ... m

b. 4 kg 75 g = ... kg

c. 2,05 ha = ... m^2

2. Tính

a) $\frac{1}{3} + \frac{1}{4} =$ **b)** $\frac{3}{5} - \frac{2}{7} =$

c) $\frac{5}{7} : \frac{2}{3} =$ **d)** $\frac{2}{5} \times \frac{1}{4} =$

2. Điền > < =

a. 2,5 □ 2,500

b. 95,7 □ 95,68

c. 69,9 □ 70,1

3. Một ô tô trong nữa giờ chạy được 30km. Hỏi trong 2 giờ ô tô đó chạy được bao nhiêu ki-lô-mét ?

ĐỀ 41

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(Thời gian làm bài : 40 phút)

Bài 1: Đọc, viết chữ số vào chỗ chấm cho thích hợp :

A. Số5,71 đọc là:……..

B. Số 56,682 đọc là :……

C. Số thập phân có tám đơn vị, ba phần mười, năm phần trăm viết là……

D. Số thập phân có ba mươi mốt đơn vị, tám phần trăm viết là :…….

Bài 2: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

Chữ số 6 trong số thập phân 31,263 có giá trị là :

A, 6 B, $\frac{6}{10}$ C, $\frac{6}{100}$ D, $\frac{6}{1000}$

Bài 3: Điền dấu < > = thích hợp vào chỗ chấm :

A, 12,50 …….12,5 C, 4,399 …… 4,4

B, 15,6 …….. 15,06 D, 20,3…….19

Bài 4: Tính

a. + b. -

c. x d. :

Bài 5: Một hình chữ nhật có chiều dài 80m, chiều rộng bằng chiều dài. Tính diện tích thửa ruộng đó ?

Biết rằng cứ 100m^2 thì thu hoạch được 50kg thóc. Hỏi trên cả thửa ruộng đó người ta thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc ?

Bài giải:

……

……..

……..

……..

……..

……

……

……

……

ĐỀ 42

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(Thời gian làm bài : 40 phút)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM.

Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Số " Hai mươi tám phẩy bốn mươi lăm" viết là:

A. 28,045 B. 28,45 C. 28,405

Câu 2: $\frac{1}{10}$ viết dưới dạng số thập phân là:

A. 1,0 B. 10,0 C. 0,1

Câu 3: Số lớn nhất trong các số: 7,99 ; 8,89 ; 8,9 là:

A. 7,99 B. 8,89 C. 8,9

Câu 4: $27\frac{12}{1000}$ viết thành số thập phân là:

A. 27,12 B. 27,120 C. 27,012

Câu 5: Một khu đất hình chữ nhật có kích thước như hình vẽ dưới đây. Diện tích khu đất đó là:

1 ha B. 1km^2

C 10 ha D. 0.01km^2

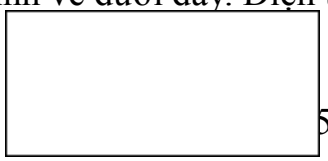

Câu 6: 6m 88mm = …..m

A. 6,88 B. 6,08 C. 6,80 D. 6,088

II. PHẦN TỰ LUẬN.

Bài 1: Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

a) 8m^{2}5dm^2 = ... m^2 b) 6 km^2 53m^2= ..... km^2

Bài 2: Điền dấu (>, <, =) vào chỗ chấm.

a. 84,2.....84.19 b. 47,5.....47,500

c. 6,843.....6,85 d. 90,6.....89,6

Bài 3: Mua 12 hộp đồ dùng học toán hết 180.000 đồng. Hỏi mua 48 hộp đồ dùng học toán như thế hết bao nhiêu tiền?

Bài giải:

.....

.....

.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....

ĐỀ 43

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(Thời gian làm bài : 40 phút)

I. Trắc nghiệm:

Bài 1. Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Chữ số 9 trong số thập phân 17,209 thuộc hàng nào?

A. Hàng nghìn

B. Hàng phần mười

C. Hàng phần trăm

D. Hàng phần nghìn

Bài 2. Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Viết $\frac{1}{10}$ thành số thập phân được:

A. 10,0 B. 1,0 C.0,1 D 0,01

Bài 3. Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Số lớn nhất trong các: 8,09; 7,89; 8,99; 8,9 là :

A. 8,09 B.7,89 C.8,99 D .8,9

Bài 4. Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm: $\frac{5}{8}$ …. $\frac{55}{88}$

A. < B. > C. =

II. Tự luận:

Bài 1. Chuyển các phân số sau thành số thập phân, rồi đọc các số thập phân đó:

a) $\frac{75}{100}$

b) $\frac{3067}{1000}$

Bài 2.Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

a) 6 tấn 5kg = ...tấn

b) 2357m = ...km

c) 5634m^2 = ...ha

d) 85cm^2 = ...m^2

Bài 3: Tính

a) $\frac{5}{7} + \frac{7}{35}$;

b) $\frac{4}{9} - \frac{1}{6}$;

Bài 4:

Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 60m, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài.

a) Tính diện tích thửa ruộng đó?

b) Biết rằng, cứ 100m^2 thu hoạch được 75kg thóc. Hỏi trên cả thửa ruộng đó người ta thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc?

ĐỀ 44

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(*Thời gian làm bài : 40 phút*)

Phần I: Khoanh tròn vào chữ có câu trả lời đúng.

Câu 1: Số 300 được viết dưới dạng phân số là:

$\frac{300}{3}$ B. $\frac{300}{2}$ C. $\frac{30}{3}$ D. $\frac{300}{1}$

Câu 2: Hỗn số $12\frac{5}{12}$ được viết thành phân số:

$\frac{129}{12}$ B. $\frac{149}{12}$ C. $\frac{145}{12}$ D. $\frac{144}{14}$

Câu 3: Chữ số 9 trong số thập phân 17,209 thuộc hàng nào?

Hàng nghìn

Hàng phần mười

Hàng phần trăm

Hàng phần nghìn

Câu 4: Bảy chục, hai đơn vị; năm phần mười, bốn phần trăm được viết là:

72,45 B. 72,54 C. 72,045 D. 72,054

Câu 5: Số thích hợp để điền vào chỗ chấm là:

8kg 532g = ...kg

8,532 B. 85,32 C. 853,2 D.8532

$3m^2$ $62dm^2$ = ...m^2

3,62 B. 36,2 C. 362 D. 3620

Phần II: Tự luận

Bài 1: Tính

$\frac{2}{5} + \frac{3}{4}$ b) $\frac{7}{2} - \frac{5}{6}$

Bài 2: Tìm X

a) X x $\frac{2}{7} = \frac{6}{11}$ b) X : $\frac{3}{2} = \frac{1}{4}$

Bài 3: Một người làm trong 2 ngày được trả 72000 đồng tiền công. Hỏi với mức trả công như thế , nếu làm trong 5 ngày thì người đó trả bao nhiêu tiền?

ĐỀ 45

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(Thời gian làm bài : 40 phút)

I/TRẮC NGHIỆM: Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước ý trả lời đúng.

Câu 1 : Ba phần mười bảy, viết là:

A. $\frac{3}{7}$ B. $\frac{17}{3}$ C. $\frac{3}{17}$ D. $\frac{317}{7}$

Câu 2 : Rút gọn phân số $\frac{35}{65}$ được kết quả là:

A. $\frac{1}{2}$ B. $\frac{7}{13}$ C. $\frac{5}{13}$ D. $\frac{7}{65}$

Câu 3 : Phân số $\frac{3}{25}$ viết thành phân số thập phân nào dưới đây?

A. $\frac{3}{100}$ B. $\frac{12}{100}$ C. $\frac{12}{10}$ D. $\frac{12}{1000}$

Câu 4 : Chuyển hỗn số $4\frac{3}{5}$ thành phân số nào dưới đây?

A. $\frac{60}{5}$ B. $\frac{23}{5}$ C. $\frac{27}{5}$ D. $\frac{12}{5}$

Câu 5: 14 tấn 6kg = ... kg. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 1406 B. 14006 C. 14600 D. 1460

Câu 6 : $2dam^2\ 49m^2$ = ... dam^2. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. $2\frac{49}{10}$ B. $\frac{249}{10}$ C. $2\frac{49}{100}$ D. $2\frac{49}{1000}$

Câu 7 : $3km^2$ = ... ha. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 3000 B. 300 C. 30 D. 3

Câu 8 : Một hình chữ nhật có chiều rộng bằng $\frac{1}{2}$ chiều dài và chiều rộng kém chiều dài 10m. Diện tích hình chữ nhật đó là:

A.$20m^2$ B. $200m^2$ C. $2000m^2$ D. $2m^2$

II/ TỰ LUẬN :

Câu 1 : Tính:

a) $\frac{3}{8} + \frac{5}{6} =$ b) $\frac{1}{5} - \frac{1}{6} =$

c) $\frac{3}{8} \times \frac{4}{5} =$ d) $7 : \frac{5}{9} =$

Câu 2: Muốn đắp xong một nền nhà trong 6 ngày cần có 8 người. Hỏi muốn đắp xong nền nhà đó trong 4 ngày thì cần có bao nhiêu người? (Sức làm như nhau)

ĐỀ 46

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(*Thời gian làm bài : 40 phút*)

1). Viết các số sau:

a) Mười ba phần trăm:..... b) Ba và bốn phần bảy: .....

c) Sáu phẩy ba trăm linh năm: ..... d) Ba trăm bốn mươi hai phẩy ba:.....

2) Viết vào chỗ chấm

$\frac{15}{100}$ đọc là:.....

30,405 đọc là : .....

3) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

a) Chữ số 5 trong số 20,571 có giá trị là:

A. 5 B. 500 C. $\frac{5}{10}$ D. $\frac{5}{100}$

b) $5\frac{3}{100}$ viết dưới dạng số thập phân là:

A. 0,53 B.5,3 C.5,03 D.5,003

c) Số bé nhất trong các số : 5,655; 5,565; 5,656; 5,556 là:

A. 5,655 B.5,656 C. 5,565 D.5,556

d) $6dm^2\ 9cm^2$ =.....dm^2 . Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

A. 6,09 B. 6,009 C. 6,9 D . 69

4). Tính

$\frac{3}{4}+\frac{7}{12}$ $\frac{5}{7}-\frac{2}{5}$ $\frac{3}{5}x4$ $1\frac{1}{5}:1\frac{1}{3}$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5) Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống.

a) 36 km^2 < 360ha ☐ b) $\frac{3}{4}=\frac{9}{12}$ ☐ c) $\frac{100}{36}$ là phân số thập phân ☐

d) $\frac{7}{5}>\frac{7}{9}$ ☐ đ) 3 tấn 6kg = 3006 kg ☐ e) 2kg5g= 2050g ☐

6) Bài giải

a) Một hình chữ nhật có nửa chu vi là 70m. Chiều rộng bằng $\frac{3}{4}$ chiều dài.Tính chiều dài, chiều rộng và diện tích hình chữ nhật đó?

b) Một đội trồng cây trung bình 5 ngày trồng được 1000 cây thông. Hỏi trong 10 ngày đội đó trồng bao nhiêu cây thông?

ĐỀ 47

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(Thời gian làm bài : 40 phút)

Phần 1: Hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

1.Phân số nào là phân số thập phân:

A. $\frac{100}{34}$ B. $\frac{34}{300}$ C. $\frac{17}{1000}$ D. $\frac{200}{8}$

2. Bốn mươi hai đơn vị, sáu phần nghìn viết là:

A. 42,6 B. 42,06 C. 42,006 D. 42,600

3. Trong các số: 612,34 ; 432,16 ; 236,41 ; 423,61 có chữ số 6 ở hàng phần trăm là:

A. 612,34 B. 432,16 C. 236,41 D. 423,61

4. Hỗn số $3\frac{2}{100}$ được chuyển thành số thập phân là:

A. 3,2 B. 3,02 C. 3,002 D. 0,32

5. Trong các số thập phân :0,732 ; 0, 729 ; 0,731 ; 0,728 số lớn nhất là :

A. 0,732 B. 0, 729 C. 0,731 D. 0,728

6. 7 m56 cm = ...m. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 7,056 B. 7,56 C. 70,56 D. 7056

7. 3,9502 < ……. Số thích hợp viết vào chỗ chấm là:

A. 3,9053 B. 3,9501 C. 3,9503 D. 3,9500

8. Hình thoi ABCD có kích thước hai đường chéo lần lượt là 8 cm và 12 cm diện tích là:

A. 96 cm^2 B. 48 dm^2 C. 96 dm^2 D. 48cm^2

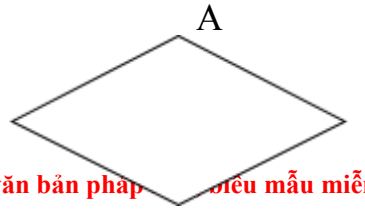

Phần 2: C B

1.Tính

D

a/ $\frac{2}{3} + \frac{1}{2} - \frac{5}{6} =$

b/ $\frac{15}{16} : \frac{3}{8} \times \frac{3}{4} =$

2.Tìm X

. $X + \frac{2}{5} = \frac{7}{10}$

3. 12 người làm xong công việc trong 10 ngày. Hỏi muốn làm xong công việc đó trong 8 ngày thì cần bao nhiêu người ? (Mức làm của mỗi người như nhau)

ĐỀ 48

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(Thời gian làm bài : 40 phút)

Phần 1:

Bài 1: Hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

1/ Phân số $\frac{2010}{1000}$ viết dưới dạng số thập phân là:

A. 2,01 B. 2,001 C. 2,0001 D. 2,1000

2/ Số thập phân bảy chục, hai đơn vị, năm phần mười, bốn phần trăm được viết là:

A. 7,24 B. 72,54 C.725,4 D.7254

3/ Chữ số 5 trong số 20,571 thuộc hàng nào?

A. Hàng đơn vị B. Hàng phần mười C. Hàng phần trăm D. Hàng phần nghìn

4/ Số bé nhất trong các số: 3,445; 3,454; 3,455; 3,444 là:

A. 3,445 B. 3,454 C. 3,455 D. 3,444

5/ 6 cm^2 8mm^2 = …….. cm^2. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

A. 68 B. 6,8 C. 6,08 D. 6,008

6/ Một mảnh đất hình chữ nhật có số đo như hình vẽ. 40m

Diện tích mảnh đất hình chữ nhật đó là

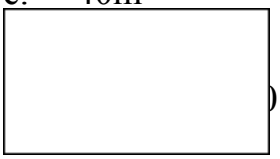

0,12 ha B. 0,12 km^2

1, 20 ha D. 12 km^2

Bài 2: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ☐

A. 54 km^2 < 540 ha ☐ B. 71ha > 80000 m^2 ☐

C. 5m^2 8dm^2 = 5 $\frac{8}{10}$ m^2 ☐ D. 12 cm^2 = 1200 mm^2 ☐

Phần 2:

Bài 1: Điền dấu (>, <, =) thích hợp vào chỗ trống:

A. 83,2 ……. 83,19 B. 7,843……..7,85

C. 48,5.....48,500 D. 90,7…….89,7

Bài 2: Đặt tính rồi tính:

a. $\frac{6}{7} + \frac{5}{8}$ b. $\frac{4}{9} - \frac{1}{6}$ c. $\frac{3}{10} \times \frac{4}{9}$ d. $\frac{5}{8} : \frac{1}{2}$

Bài 3: Một người làm trong 2 ngày được 72000 đồng tiền công. Hỏi với mức giá trả công như thế, nếu người đó làm trong 3 ngày thì được trả tiền công là bao nhiêu?

ĐỀ 49

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(Thời gian làm bài : 40 phút)

PHẦN I: Trắc nghiệm

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước đáp án đúng:

Câu 1: Số "Mười bảy phẩy bốn mươi hai" viết như sau:

a. 107,402. b. 17,402. c. 17,42. d. 107,42.

Câu 2: Số $\frac{1}{10}$ viết dưới dạng số thập phân là:

a. 1,10. b. 10,0. c. 0,01. d. 0,1.

Câu 3: Kết quả phép tính: $\frac{2}{3}+\frac{3}{2}$ là:

a. $\frac{5}{5}$ b. $\frac{5}{6}$ c. $\frac{13}{6}$ d. $\frac{6}{5}$.

Câu 4: Kết quả phép tính: $2-\frac{3}{4}$ là:

a. $\frac{1}{4}$ b. $\frac{2}{4}$ c. $\frac{3}{4}$ d. $\frac{5}{4}$.

Câu 5: Số lớn nhất trong các số 8,09 ; 7,99 ; 8,89 ; 8,91 là:

a. 8,09. b. 7,99. c. 8,89. d. 8,91.

Câu 6 : Số đo 1234cm được viết dưới dạng số thập phân có đơn vị mét là:

a. 1,234m b. 12,34m c.123,4m d. 0,1234m.

Câu 7: $6cm^2\ 8mm^2$ = ……. mm^2. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

a. 68. b. 680. c. 608. d. 6800.

Câu 8 : Chữ số 7 của số 163,57 chỉ :

a. 7 đơn vị b. 7 phần trăm c. 7 phần mười

Câu 9 : Diện tích khu đất hình chữ nhật có chiều dài 40m và chiều rộng 25m là:

a. $100m^2$ b. $1000m^2$ c. $100dam^2$ d. 1ha.

Câu 10: 51ha …$60000m^2$. Dấu thích hợp để điền vào chỗ chấm là:

a. = b. < c. >

II.PHẦN TỰ LUẬN:

Bài 1:

Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 8m 6dm = ……m. c) 52ha = ……..km^2.

c) 3 tấn 14kg = ……tấn. d) $1654m^2$ = ……ha.

Bài 2 :

a) Viết các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé: 5,7 ; 6,02 ; 4,23 ; 4,32

.....

3. Bài toán :

Mua 12 quyển vở hết 18 000 đồng. Hỏi mua 60 quyển vở như thế hết bao nhiêu tiền?

ĐỀ 50

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(Thời gian làm bài : 40 phút)

A. Phần I : Trắc nghiệm

Câu	Nội dung bài làm	Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước kết quả đúng
1	Cho các số sau : 5,736; 6,09; 5,973; 6,1; .Số lớn nhất trong các số đó là: A. 5,736 ; B. 6,09 ; C. 6,1 ; D. 5,973	A. ; B ; C ; D .
2	$6m^2\ 8dm^2$ =.....dm^2. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là: A. 68 ; B. 680 ; C. 608 ; D. 6800 .	A. ; B ; C ; D .
3	Số :"Ba mươi sáu đơn vị và năm phần trăm".Viết là: A.36,5 ; B.36,005 ; C.306,005 ; D. 36,05	A. ; B ; C ; D .
4	Số bé nhất trong các số : 8,25 ; 7,54 ; 6,99 ; 6,896 là số : A.8,25 ; B. 7,54 ; C. 6,99 ; D. 6,896	A. ; B ; C ; D
5	Chữ số 6 trong số thập phân 95,624 chỉ giá trị là : A. $\frac{6}{10}$ B. $\frac{6}{100}$ C. $\frac{6}{1000}$ D. 6	A. ; B ; C ; D
6	$\frac{6}{100}$ viết dưới dạng số thập phân là : A .0,6 ; B. 0,06 ; C. 0,006 ; D.6,00	A. ; B ; C ; D
7	Tính: $\frac{11}{6}$ x $\frac{4}{10}$ = ? A. $\frac{15}{16}$ B. $\frac{44}{16}$ C. $\frac{44}{60}$	A. ; B ; C
8	3m 52 cm =.....m .Số thích hợp viết vào chỗ chấm là: A. 3,052 ; B. 3,52 ; C. 3,0052 ; D. 35,2	A. ; B ; C ; D

B/ Phần II-Tự luận :

Câu 1 : Viết số thích hợp vào chỗ chấm :
860m 25cm = ...m
780 dam² = ...m²
Câu 2 : Xếp các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn :
84,759 ; 84,796 ; 84,95 ; 84,910 ; 84,876.
Xếp là : .....

Câu 3: Một khu đất hình chữ nhật chiều dài là 200m, chiều rộng bằng $\frac{3}{4}$ chiều dài. tính diện tích khu đất đó ?

ĐỀ 51

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
Môn : Toán– Lớp 5
(Thời gian làm bài : 40 phút)

I/ PHẦN TRẮC NGHIỆM:
Khoanh vào chữ cái trước đáp án em cho là đúng:
Câu 1: Viết số thập phân có: Năm đơn vị, bảy phần mười
a. 5,7 b. 5,07 c. 0,57 d. 5,007
Câu 2: Chữ số 9 trong số thập phân 85,294 có giá trị là:
a. $\frac{9}{10}$ b. $\frac{9}{100}$ c. $\frac{9}{1000}$ d. 90
Câu 3: hỗn số $15\frac{7}{100}$ viết dưới dạng số thập phân là:
a. 15,70 b. 15,07 c. 15,007 d. 0,157
Câu 4: Số bé nhất trong các số: 15,645; 15,456; 15,564; 15,446 là:
a. 15,654 b. 15,456 c. 15,654 d. 15,446
Câu 5: 5km 75m = …….km
a. 5,75km b. 5,075km c.57,5km d. 5750km
II/ PHẦN TỰ LUẬN:
Câu 1: Tính
a $\frac{6}{7} + \frac{5}{8} =$ b. $\frac{4}{9} - \frac{1}{6}$
c. $\frac{3}{7} \times \frac{4}{10}$ d. $\frac{6}{5} : \frac{3}{7}$

Câu 2: Mua 5 mét vải hết 80.000 đồng. hỏi mua 9 mét vải hết bao nhiêu tiền?

ĐỀ 52

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(Thời gian làm bài : 40 phút)

I/ PhÇn tr¾c nghiÖm : H·y khoanh vµo ch÷ c¸i A, B, C hoÆc D ®Æt tríc c©u tr¶ lêi ®óng.

1/ Sè mêi l¨m phÈy n¨m m¬i hai viÕt nh sau:

A. 15,052 B. 105,52 C. 15,502 D. 15,52

2/ ViÕt $\frac{1}{10}$ díi d¹ng sè thËp ph©n lµ :

A. 10,0 B. 0,01 C. 1,0 D. 0,1

3/ Sè lín nhÊt trong c¸c sè 6,251, 7,59, 7,09, 7,9 lµ:

A. 6,251 B. 7,59 C. 7,09 D. 7,9

4/ ViÕt hçn sè $59\frac{1}{10}$ thµnh sè thËp ph©n lµ sè:

A. 5,9 B. 5,91 C. 50,9 D.59,1

5/ ViÕt sè ®o 3 Km245m díi d¹ng sè thËp ph©n cã ®¬n vÞ ®o km lµ:

A. 32,45 Km B. 324,5 Km C. 3,245 km D. 3,0245 Km

6/ Mét khu ®Êt h×nh ch÷ nhËt cã kÝch thíc ghi ë h×nh vÏ díi ®©y cã diÖn tÝch lµ bao nhiªu?

A. 1 ha B. 1 Km^2 C. 10ha D. 0,01 Km^2

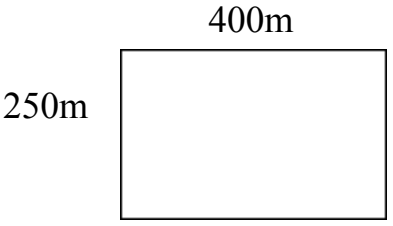

7/ 0,65 viÕt díi d¹ng ph©n sè thËp ph©n lµ:

A. $\frac{65}{1000}$ B. $\frac{65}{10}$ C. $\frac{65}{100}$

8/ Cho biÓu thøc a + b víi a = $\frac{2}{3}$; b = $\frac{3}{5}$. Gi¸ trÞ sè cña biÓu thøc a + b lµ bao nhiªu?

A. $\frac{17}{15}$ B. $\frac{19}{15}$ C. $\frac{5}{8}$

II/ PhÇn tù luËn:

1/ ViÕt sè thËp ph©n thÝch hîp vµo chç chÊm : (2 ®iÓm)

a. 9m 3Cm =.....m b. 4 tÊn 362 Kg =.....tÊn

2/ Nhµ trêng tæ chøc cho häc sinh ®i tham quan di tÝch lÞch sö. §ît thø nhÊt cÇn cã 3 xe « t« ®Ó chë 120 häc sinh, ®ît thø hai muèn chë 160 häc sinh th× cÇn dïng mÊy xe « t« nh thÕ?

ĐỀ 53

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(Thời gian làm bài : 40 phút)

I/ Phần trắc nghiệm :

Em hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng .

Câu 1: Trong số 1942,54 chữ số 5 trong số đó có giá trị là

A. $\frac{5}{10}$ B. $\frac{5}{100}$ C. $\frac{5}{1}$ D. $\frac{5}{1000}$

Câu 2: 6 kg 027g = ...g

Số cần điền vào chỗ chấm là

A. 627g B. 6027g C. 60270g D. 672g

Câu 3 : Tính : $\frac{1}{2} \times \frac{1}{3} \times \frac{1}{4} = ?$

A. $\frac{1}{24}$ B. $\frac{3}{24}$ C. $\frac{1}{12}$ D. $\frac{1}{6}$

Câu 4 : Số thập phân **:** Năm trăm linh sáu phẩy không trăm linh hai được viết là

A. 506,200 B. 506,002 C. 506,020 D. 560,002

Câu 5 : Viết số thập phân thích hợp vào chố chấm

6 tấn 24kg =.....tấn

A. 6,024 tấn B. 6,24 tấn C...60,24 tấn D. 600,24 tấn

II/ Phần tự luận :

Câu 1: Viết các số đo sau đây dưới dạng số thập phân

a) 5km 002m =.....km b) 24 tấn 6kg = ...tấn

c) 3054m^2 = ...ha d) 2tấn 5kg = ...ta

Câu 2:

a)Viết các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé

5,7 ; 6,05 ; 6,002 ; 5,9 ; 5,09

.....

b) Viết các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn

10,09 ; 9,09 ; 9,19 ; 10,9 ; 10,2

.....

Câu 3: Một đội công nhân đắp đường trung bình cứ 5 ngày đắp được 15m . hỏi 20 ngày đội đó đắp được bao nhiêu mét đường ?

.....
.....
.....

ĐỀ 54

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(Thời gian làm bài : 40 phút)

Phần 1: Hãy khoanh tròn chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

1/ Số "**Hai mươi lăm phẩy không hai**" được viết là:

a. 25,2 b. 25,02 c. 25,002 d. 250,2

2/ Viết $\frac{1}{100}$ dưới dạng số thập phân được:

a. 0,01 b. 0,00 c. 0,1 d. 1,00

3/ Trong số 25,368 chữ số 6 chỉ:

a. 6 đơn vị b. 6 chục c. 6 phần mười d. 6 phần trăm

4/ Tìm số lớn nhất trong các số:

6,25; 7,59; 7,09; 7,9

a. 6,25 b. 7,59 c. 7,09 d. 7,9

5/ Số thập phân 0,06 được viết thành phân số thập phân là:

a. $\frac{6}{10}$ b. $\frac{6}{100}$ c. $\frac{600}{100}$ d. $\frac{6}{1000}$

Phần 2: Thực hành

1/ Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a. 3 m 13 cm = ...m b. 2 dam^2 5 m^2 = ...m^2

c. 3 hm^2 2 dam^2 = ...km^2

2/ **a)** $\frac{1}{4}+\frac{5}{6}$ **b)** $\frac{3}{5}-\frac{3}{8}$

2/ Một nhóm thợ rèn trung bình cứ 3 ngày rèn được 1200 lưỡi cuốc. Hỏi trong 12 ngày nhóm thợ đó rèn được bao nhiêu lưỡi cuốc?

ĐỀ 55

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(Thời gian làm bài : 40 phút)

Phần 1 :

Hãy khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

Câu 1. Phân số $\frac{5}{8}$ bằng phân số nào dưới đây :

A . $\frac{10}{15}$ B. $\frac{15}{20}$ C. $\frac{20}{32}$ D. $\frac{25}{42}$

Câu 2. Trong các phân số : $\frac{3}{5}$, $\frac{3}{6}$, $\frac{3}{7}$, $\frac{3}{8}$,phân số ***lớn nhất*** là :

A. $\frac{3}{5}$ B. $\frac{3}{6}$ C. $\frac{3}{7}$ D. $\frac{3}{8}$

Câu 3: Số thập phân gồm có *"năm mươi hai đơn vị, chín phần mười và bốn phần trăm"* được viết là :

A. 52,904; B. 52,94; C. 520,94; D. 52,094

Câu 4: Chữ số 7 trong số thập phân 25,745 chỉ giá trị là :

A. $\frac{7}{1000}$ B. $\frac{7}{100}$ C. $\frac{7}{10}$ D.7

Câu 5: Viết 4 $\frac{7}{100}$ dưới dạng số thập phân là :

A.4,7 B.4,07 C.4,007 D.4,70

Câu 6: Số *lớn nhất* trong các số: 4,52; 5,42; 4,25; 5,24 là :

A. 4,25; B. 5,42; C. 4,52; D. 5,24

Câu 7: Chọn số thích hợp điền vào chỗ chấm :

14cm 9mm = ……cm

A.149 B.14,9 C.1409 D.14,09

Câu 8: Chọn số thích hợp điền vào chỗ chấm :

6 tấn45kg = ……tấn

A.645 B.6045 C.6,45 D.6,045

Câu 9: 5,12km = ... m. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

A.. 5120; B. 512; C. 51200; D. 5120000

Câu 10: 2357m^2 =……..ha .

A.. 2,375 B. 2,0357 C. 0,2357 D. 23,57

Phần 2 : Làm các bài tập sau :

Bài 1 : Tính :

a) $\frac{4}{5} + \frac{7}{10} =$ .....

b) $\frac{4}{5} : \frac{6}{7} =$.....

Bài 3. Mua 12 quyển vở hết 18 000 ngàn đồng. Hỏi mua 60 quyển vở như thế hết bao nhiêu tiền?

ĐỀ 56

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(Thời gian làm bài : 40 phút)

Phần 1: Hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

1.Phân số nào là phân số thập phân:

A. $\frac{100}{34}$ B. $\frac{7}{50}$ C. $\frac{25}{1000}$ D. $\frac{10}{20}$

2. Hai mươi sáu đơn vị mười bốn phàn trăm viết là:

A. 26,014 B. 26,104 C. 26,14 D. 26,140

3. Trong các số: 25,76; 24,98; 25,67; 24,,89 số bé nhất là:

A. 24,98 B. 24,89 C. 25,67 D. 25,76

4. Hỗn số $4\frac{2}{3}$ bằng phân số nào trong các phân số sau:

A. $\frac{8}{3}$ B. $\frac{14}{3}$ C. $\frac{12}{3}$ D. $\frac{42}{3}$

5. Viết $\frac{8}{10}$ dưới dạng số thập phân ta được:

A. 0,8 B. 0,08 C. $\frac{146}{10}$ D. 25,67

6. $6m^2\ 7\ dm^2$ = ...dm^2. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 67 B. 607 C. 670 D. 6007

7. Số 1,46 bằng phân số nào trong các phân số sau:

A. $\frac{146}{10}$ B. $\frac{146}{1000}$ C. $\frac{146}{100}$ D. $\frac{146}{10000}$

8. Chu vi của hình bên là:

A. 16cm

B. 25 cm

C. 31cm

D. 19 cm

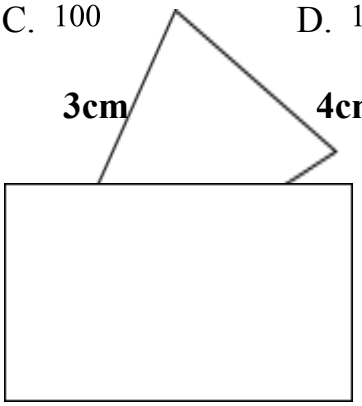

Phần 2:

6cm

1.Tính

a/ $\frac{3}{7} + \frac{4}{7} \times \frac{5}{8} =$ b/ $\frac{12}{10} - \frac{3}{5} : \frac{2}{3} =$

2.Tìm X

a/ $X + \frac{2}{5} = \frac{7}{10}$ b/ $Y : 2 = \frac{4}{7}$

3. Giải toán : Nhân dịp năm mới, mẹ mua cho Lan 42 quyển cả sách và vở. Biết rằng số sách bằng $\frac{3}{4}$ số vở. Tìm số quyển sách và số quyển vở mẹ mua cho Lan.

ĐỀ 57

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(Thời gian làm bài : 40 phút)

I. TRẮC NGHIỆM:

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

1. Chữ số 5 trong số 20,571 có giá trị là:

A. 5 B. 500 C. $\frac{5}{10}$ D. $\frac{5}{100}$

2. Số thập phân 2,37 viết dưới dạng hỗn số là:

A. $\frac{237}{100}$ B. $2\frac{37}{100}$ C. $23\frac{7}{10}$ D. $2\frac{37}{1000}$

3.Số lớn nhất trong các số: 4,639; 4,936; 4,369; 4,963

A. 4,639 B. 4,936 C. 4,369 D. 4,963

4. Số 0,008 đọc là:

A. Không phẩy tám

B. Không , không tám

C. Không phẩy không trăm linh tám

5. Hỗn số $5\frac{12}{1000}$ được viết dưới dạng số thập phân là:

A. 512,00 B. 5,12 C. 5,012 D. 5,0012

6. $4m^2\ 6dm^2 =$ ... dm^2

Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

A. 46 B. 406 C. 460 D. 4600

7. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

a. $7m^2\ 4dm^2 = 7,4m^2$ ☐

b. $81ha > 90000\ m^2$ ☐

c. $5\ m^2\ 7dm^2 = 5\frac{7}{10}\ m^2$ ☐

d. $15cm^2 = 1500mm^2$ ☐

II. TỰ LUẬN:

Bài 1: Tính:

a. $2\frac{5}{6}+1\frac{1}{3}=$ .....

b. $2\frac{2}{3}\times 3\frac{1}{4}=$ .....

Bài 2: Tìm X:

a. X - $\frac{2}{5}=\frac{1}{10}$ b. X : $\frac{3}{4}=\frac{1}{3}$

.....

.....

Bài 3: Mua 15 quyển sách Toán hết 135000 đồng. Hỏi mua 45 quyển sách Toán hết bao nhiêu tiền?

ĐỀ 58

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(***Thời gian làm bài : 40 phút***)

Bài 1 : Khoanh tròn chữ đặt trước kết quả đúng mỗi câu viết số đo độ dài dưới dạng hỗn số : a) 4m 7 dm

A. $4\frac{7}{100}$ m B. $4\frac{7}{10}$ dm B. $4\frac{7}{10}$ m

Bài 2 : Khoanh tròn chữ đặt trước kết quả đúng :

a. 5km 35m = ... m
A. 535m
B. 5350m
C. 5035m

b. 8m 5cm = ... cm
A. 85cm
B. 805cm
C. 850cm

c. 8dm 50mm = ... mm
A. 85mm
B. 805mm
C. 850mm

Bài 3: Khoanh tròn chữ đặt trước kết quả đúng của mỗi câu viết số đo diện tích **dưới** dạng hỗn số :

a) 6m² 25dm² = ... m²

A. $6\frac{25}{10}$ m² B. $6\frac{25}{100}$ m² C. $6\frac{25}{1000}$ m²

a) 5hm² 5dam² = ...hm²

A. $5\frac{5}{10}$ hm² B. $5\frac{5}{1000}$ hm² C. $5\frac{5}{100}$ hm²

Bài 4: Tính

a) $\frac{6}{7}+\frac{5}{8}=$ b) $10-\frac{9}{6}=$

Bài 5 : Viết số thập phân thích hợp vào chỗ (.....)

a) 8m 5dm = ... m
b) 6 km 53m = ... km
c) 2kg 550g = ... kg
d) 6tấn 35kg = ... tấn

Bài 6 :

Một thửa vườn hình chữ nhật có chiều dài 500m, chiều rộng bằng $\frac{3}{5}$ chiều dài. Hỏi diện tích thửa vườn là bao nhiêu hec-ta ?

ĐỀ 59

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(*Thời gian làm bài : 40 phút*)

1). Viết các số sau:

a) Mười ba phần trăm:..... b) Ba và bốn phần bảy:

.....

c) Sáu phẩy ba trăm linh năm: ..... d) Ba trăm bốn mươi hai phẩy ba:.....

2) Viết vào chỗ chấm

$\frac{15}{100}$ đọc là:.....

30,405 đọc là : .....

3) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

a) Chữ số 5 trong số 20,571 có giá trị là:

A. 5 B. 500 C. $\frac{5}{10}$ D. $\frac{5}{100}$

b) $5\frac{3}{100}$ viết dưới dạng số thập phân là:

A. 0,53 B.5,3 C.5,03 D.5,003

c) Số bé nhất trong các số : 5,655; 5,565; 5,656; 5,556 là:

A. 5,655 B.5,656 C. 5,565 D.5,556

d) $6dm^2\ 9cm^2$ =.....dm^2 . Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

A. 6,09 B. 6,009 C. 6,9 D . 69

4). Tính

$\frac{3}{4}+\frac{7}{12}$ $\frac{5}{7}-\frac{2}{5}$ $\frac{3}{5}x4$ $1\frac{1}{5}:1\frac{1}{3}$

5) Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống

a) $36\ km^2 < 360ha$ ☐ b) $\frac{3}{4}=\frac{9}{12}$ ☐ c) $\frac{100}{36}$ là phân số thập phân ☐

d) $\frac{7}{5}>\frac{7}{9}$ ☐ đ) 3 tấn 6kg = 3006 kg ☐ e) 2kg5g= 2050g ☐

6) Bài giải

Một đội trồng cây trung bình 5 ngày trồng được 1000 cây thông. Hỏi trong 10 ngày đội đó trồng bao nhiêu cây thông?

Bài giải:

.....
.....
.....

ĐỀ 60

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn : Toán– Lớp 5

(Thời gian làm bài : 40 phút)

Phần I: Hãy khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

1/ Những phép đổi dưới đây phép đổi nào đúng:

$4m^2\ 59cm^2 = 4,59dm^2$ B. $1689dm^2 = 1,689m^2$

C. 1,5 giờ = 90 phút D. 2 ngày 6 giờ = 26 giờ

2/ 25% của một số là 100. Số đó là:

40 B. 400 C. 25 D. 250

3/ Một hình thang có tổng hai đáy là 19m và chiều cao là 6,8m thì diện tích hình thang đó là:

$32m^2$ B. $323m^2$ C. $646m^2$ D. $64,6m^2$

4/ Biểu đồ hình quạt bên cho biết tỉ số phần trăm của 200 bạn học sinh nam trường tiểu học Lê Lợi tham gia các môn thể thao. Số học sinh nam tham gia môn đá banh là:

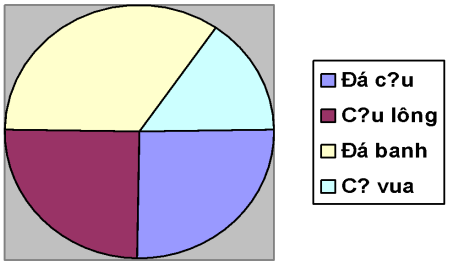

25 B. 30

C. 50. D. 70

5/ Diện tích toàn phần của một hình lập phương là 24cm^2. Cạnh của hình lập phương đó là:

2cm B. 4cm C. 6cm D. 8cm

6/ Một tam giác vuông có độ dài hai cạnh góc vuông lần lượt là 4cm và 5cm thì diện tích của nó là:

20cm^2 B. 10cm^2 C. 20m^2 D. 10m^2

Phần II. Làm bài tập

Bài 1: Tìm x, biết:

108,19 : x = 84,4 - 68,9 b) x+ 4,1 = 9,4

.....

.....

.....

.....

.....

.....

……

……

Bài 2: Điền số thích hợp vào chỗ trống:

123dm^3 = ……..cm^3 $\frac{3}{5}$ m^3= ……dm^3

Bài 3: Một cái thùng dạng hình hộp chữ nhật làm bằng tôn (không có nắp) có chiều dài 1m; chiều rộng 0,8m; chiều cao 0,6m.

Tính diện tích tôn dùng làm thùng đó.

Tính thể tích thùng đó.

Tham khảo đề thi giữa học kì 1 lớp 5:

https://vndoc.com/de-thi-giua-ki-1-lop-5